



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2025**

CTCP BIA - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN - TÂY ĐÔ

MỤC LỤC

1. Thông tin chung	04
2. Tình hình hoạt động trong năm	20
3. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc	42
4. Báo cáo và đánh giá của Hội đồng quản trị và hoạt động của Công ty	52
5. Quản trị Công ty	56
6. Báo cáo tài chính kiểm toán 2025	70

SẢNG KHOÁI, MÁT LẠNH CÙNG BIA SAIGON



UỐNG RƯỢU, BIA - KHÔNG LÁI XE
DƯỚI 18 TUỔI KHÔNG ĐƯỢC UỐNG RƯỢU, BIA
RƯỢU, BIA CÓ TRÁCH NHIỆM

TỰ HÀO BIA QUỐC DÂN





THÔNG TIN CHUNG

- 06 Thông tin khái quát
- 10 Ngành nghề và địa bàn hoạt động
- 12 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 14 Định hướng phát triển
- 16 Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI

GÒN-TÂY ĐÔ

Tên tiếng anh: SAIGON – TAY DO BEER – BEVERAGE JOINT

STOCK COMPANY

Tên viết tắt: TDBECO

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1800641942

Sở Tài Chính Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 21 tháng

09 năm 2006 cấp thay đổi lần 10, ngày 06 tháng 11 năm 2025.

Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng

Vốn đầu tư chủ sở hữu: 273.970.735.183 đồng

Địa chỉ: Lô 22, Khu công nghiệp Trà Nóc 1, Phường Thới An

Đông, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Số điện thoại: 02923 842 538

Số fax: 02923 842 310

Website: <https://biasaigontaydo.com.vn/>

Mã cổ phiếu: STD

KHÔNG LÁI XE

KHÔNG ĐƯỢC HỒNG BƯỚC BUA

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2025

2009

TDBECO quyết định đầu tư mở rộng, nâng công suất hệ thống dây chuyền thiết bị sản xuất bia từ 25 triệu lít bia/năm lên 40 triệu lít bia/năm.

2007

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô quyết định đầu tư dây chuyền chiết lon mới với công suất 18.000 lon/giờ.

2006

Tháng 09/2006, Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô được thành lập. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nước Giải Khát Việt Nam chuyển nhượng lại tài sản, máy móc thiết bị sản xuất nước giải khát cho Công ty.

2019

Tháng 09/2019, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 40/2019/GCNCP-VSP, với mã chứng khoán là STD và tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 20.000.000 cổ phiếu cho Công ty.

2017

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty được nâng từ 45 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng và chính thức trở thành công ty đại chúng.

2013

Tháng 1/2013, Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô quyết định đầu tư nâng cao công suất dây chuyền sản xuất bia từ 40 triệu lít lên 70 triệu lít/năm.

2024

Toàn thể CBCNV công ty đã cùng nhau nỗ lực phát huy hoàn thành vượt các chỉ tiêu về sản lượng và lợi nhuận đã đặt ra từ đầu năm dù trong bối cảnh thị trường ngành bia - rượu gặp nhiều khó khăn.

2022

Nhờ sự hồi phục của thị trường bán lẻ sau đại dịch, Công ty đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ về cả doanh thu và lợi nhuận sau 2 năm đối mặt với nhiều khó khăn vì COVID-19.

2021

Tháng 11/2021, Công ty hoàn thành thủ tục thông báo thay đổi ngành nghề kinh doanh và đã được Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp giấy xác nhận.

- Ngày 30/12/2025, Công ty nhận được Quyết định số 1506/QĐ-SGDHN ngày 29/12/2025 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty CP Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô.
- Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu STD là ngày 27/01/2026; giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu STD là 13.600 đồng/cổ phiếu.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



Các ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất bia và mạch nha ủ men bia với các sản phẩm chủ lực là Bia Sài Gòn, Nước uống đóng chai 333, SAIGON Water, TAWA Life.

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG

STT	Mã ngành, nghề kinh doanh	Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh
1	1101	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh
2	1102	Sản xuất rượu vang
3	1103 (Chính)	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia
4	1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
5	5224	Bốc xếp hàng hóa
6	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ mua bán thuốc trừ sâu và hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)
7	4633	Bán buôn đồ uống
8	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)
9	4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (Trừ vận tải bằng xe buýt)
10	4932	Vận tải hành khách đường bộ khác
11	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Bằng xe tải thông thường
12	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)
13	7820	Cung ứng lao động tạm thời (Trừ Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)
14	7911	Đại lý du lịch (Trừ kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài)
15	7912	Điều hành tua du lịch (Trừ kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài)
16	7990	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Trừ kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài)

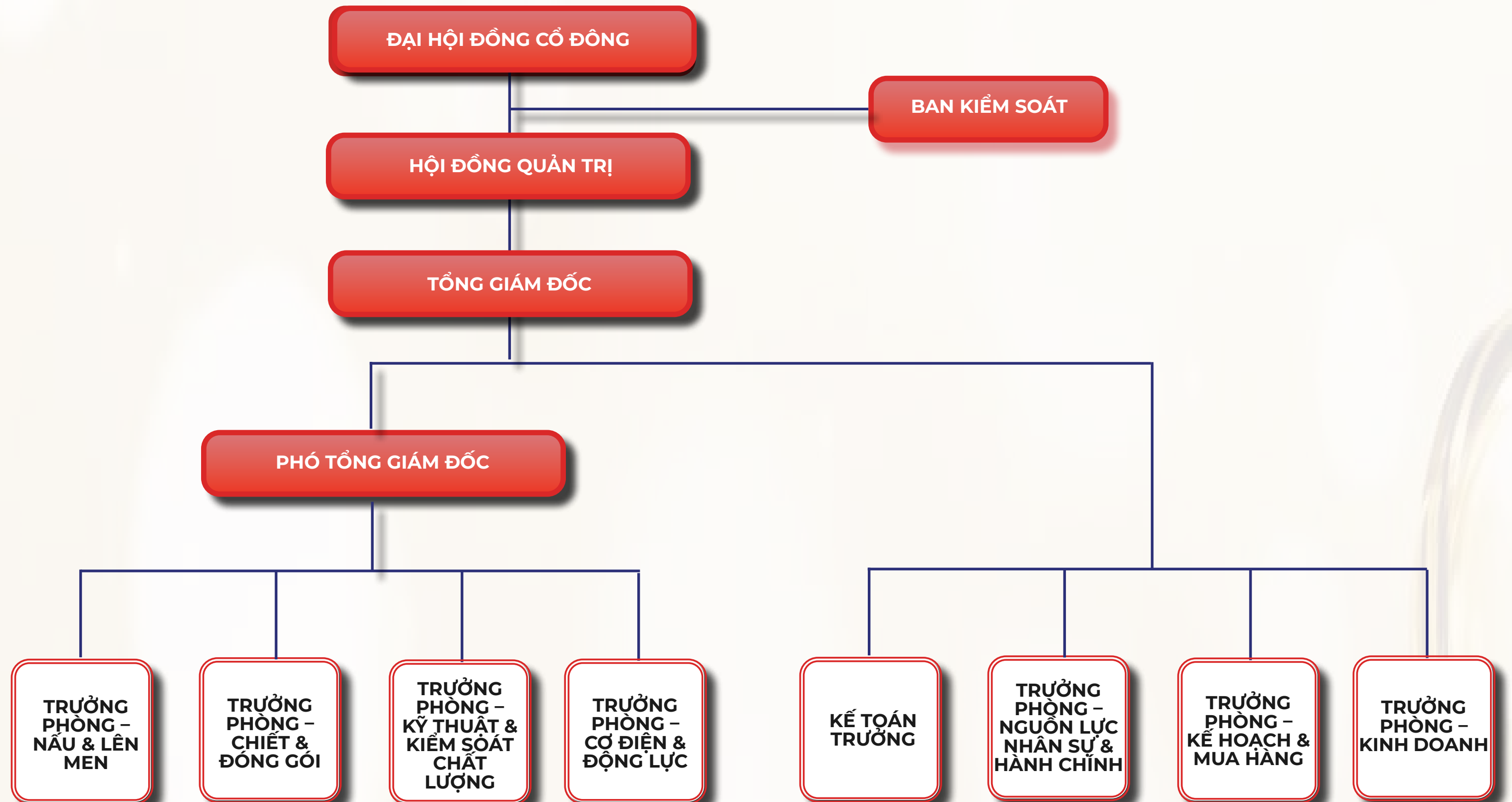
ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hầu hết các tỉnh thành trên cả nước.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan, CTCP Bía – Nước giải khát Sài Gòn – Tây Đô tổ chức mô hình quản trị bao gồm Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) và Tổng Giám đốc (TGD).

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY



Về bán hàng

Công ty tiếp tục đẩy mạnh chiến lược đa dạng hóa danh mục sản phẩm bia và nước uống đóng chai, phù hợp với xu hướng tiêu dùng mới và thị hiếu của khách hàng. Song song đó, Công ty tăng cường đa dạng hóa kênh phân phối trên toàn thị trường nhằm nâng cao khả năng tiếp cận người tiêu dùng, thúc đẩy tăng trưởng doanh thu bền vững.



Về quản lý chất lượng

Công ty cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm và hệ thống kiểm soát chất lượng theo chuẩn quy định của SABECO, đồng thời duy trì hệ thống quản lý tích hợp ISO 9001:2015, ISO 22000:2018 và hệ thống quản lý phòng kiểm nghiệm ISO 17025:2017. Việc tuân thủ các tiêu chuẩn này giúp đảm bảo chất lượng đầu vào – đầu ra ổn định và nâng cao uy tín thương hiệu.



Về quản lý nguồn nhân lực

Công ty luôn hướng đến xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện và năng động, nhằm tăng cường sự gắn kết giữa người lao động và doanh nghiệp. Công ty áp dụng các chính sách đánh giá và quản trị nhân sự minh bạch, thực hiện cơ cấu lương thưởng theo kế hoạch, gắn với hiệu quả thực hiện công việc. Ngoài ra, Công ty còn chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn và tay nghề cho đội ngũ nhân viên thông qua các chương trình đào tạo định kỳ hằng năm, nhằm đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng phục vụ mục tiêu phát triển dài hạn.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- » Tiếp tục ứng dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, đẩy mạnh đầu tư chiều sâu máy móc, thiết bị nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.
- » Tích cực nghiên cứu các giải pháp cải tiến công nghệ để giảm tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu, tiết kiệm năng lượng, hướng tới chuyển đổi xanh và phát triển bền vững.
- » Tăng cường kiểm soát chi phí, tăng cường rà soát, quản lý chặt chẽ vật tư, hàng tồn kho để giảm chi phí nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- » Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, đa dạng hóa thị trường và danh mục sản phẩm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị phần.



HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI

- » Thực hiện đầy đủ các chính sách bảo vệ môi trường, chủ động triển khai các giải pháp giảm phát thải nhằm đáp ứng yêu cầu pháp luật và đóng góp vào lợi ích chung của cộng đồng.
- » Duy trì chính sách lương, thưởng và phúc lợi phù hợp, đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo các cam kết trong Thỏa ước Lao động tập thể.
- » Duy trì thường xuyên hệ thống cảnh quan, tạo môi trường sản xuất xanh, sạch, đẹp, không gian làm việc an toàn, thoải mái cho người lao động;
- » Tích cực tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, an sinh xã hội, hỗ trợ các gia đình khó khăn tại địa phương.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ



Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục vận hành trong môi trường nhiều bất định khi các rủi ro thương mại và địa chính trị gia tăng. Căng thẳng thương mại Mỹ – Trung leo thang, với việc mở rộng các biện pháp thuế quan và siết chặt kiểm soát công nghệ, đã làm suy yếu đà phục hồi của thương mại toàn cầu. Xung đột Nga – Ukraine tiếp tục diễn biến phức tạp, gây gián đoạn chuỗi cung ứng nguyên liệu và năng lượng, đồng thời kéo theo sự gia tăng chi phí vận tải quốc tế. Bên cạnh đó, tình hình tại Trung Đông vẫn tiềm ẩn nguy cơ leo thang với nhiều diễn biến khó lường, tác động đến thị trường dầu mỏ và an ninh khu vực.

Tuy nhiên, ở góc độ trong nước, nền kinh tế Việt Nam năm 2025 vẫn duy trì được đà tăng trưởng tích cực. Theo Tổng cục Thống kê, GDP

cả năm ước tăng 8,02% so với năm trước. Chỉ số IIP ước tăng 9,2% so với năm trước (năm 2024 tăng 8,2%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 10,5%, đóng góp 8,4 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Dù vậy, ngành chế biến và chế tạo trong nước vẫn phải đối mặt với một số thách thức như cơ sở hạ tầng còn hạn chế, giá trị xuất khẩu hàng hóa suy giảm do nhu cầu nhập khẩu từ các thị trường lớn yếu đi và sự gia tăng chi phí sản xuất toàn ngành.

Trong bối cảnh vẫn còn tiềm ẩn và tồn tại nhiều biến động và yếu tố khó lường, Công ty luôn chủ động xây dựng các kịch bản ứng phó linh hoạt và tăng cường quản trị rủi ro tài chính nhằm đảm bảo duy trì sự ổn định trong hoạt động sản xuất – kinh doanh và bảo toàn hiệu quả sử dụng vốn. Đồng thời, đề xuất những giải pháp linh hoạt và phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, đảm bảo Công ty không chỉ thích ứng mà còn tận dụng tốt các cơ hội trong bối cảnh kinh tế biến động, phát triển, mở rộng và đa dạng hóa thị trường, tệp khách hàng mới.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Hoạt động sản xuất bia, nước uống đóng chai của Công ty phải tuân thủ nhiều quy định từ các văn bản pháp luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt 2008, Luật phòng chống tác hại của rượu bia 2019 và các Nghị định hướng dẫn trong ngành đồ uống. Trong năm 2025, Quốc hội đã thông qua Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) vào ngày 14/06/2025, tác động trực tiếp lên ngành bia, với lộ trình tăng thuế suất 5%/năm: giữ mức 65% hiện hành đến hết năm 2026, sau đó tăng 5% mỗi năm từ 2027 đến 2031, đạt 70% năm 2027 và lên tới 90% vào năm 2031. Song song đó, Nghị định 24/2020/NĐ-CP tiếp tục siết chặt hoạt động quảng bá sản phẩm rượu bia, yêu cầu bổ sung cảnh báo sức khỏe, hạn chế sử dụng hình ảnh và nghiêm cấm bán cho người dưới 18 tuổi. Đặc biệt, Nghị định 168/2024/NĐ-CP tăng mức xử phạt đối với hành vi điều khiển xe máy sau khi uống rượu bia lên 8–10 triệu đồng, cho thấy xu hướng quản lý ngày càng chặt chẽ của Nhà nước đối với ngành đồ

uống có cồn. Những thay đổi pháp lý này đặt ra yêu cầu Công ty phải thường xuyên cập nhật quy định mới, điều chỉnh quy trình nội bộ và tăng cường kiểm soát tuân thủ nhằm hạn chế rủi ro pháp lý, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn và bền vững.

RỦI RO NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO



trong hệ thống, bao gồm TDBECO. Bên cạnh đó, nguyên vật liệu chính để sản xuất vỏ lon – phôi nhôm, cũng bị tác động mạnh bởi tình trạng thắt chặt nguồn cung và các biện pháp hạn chế xuất khẩu từ Trung Quốc, khiến giá nhôm trên thị trường thường duy trì ở mức cao trong thời gian dài.

“

Trước bối cảnh đó, Công ty luôn chủ động theo dõi diễn biến kinh tế, cập nhật thường xuyên thông tin thị trường và kịp thời điều chỉnh chiến lược. Đồng thời, Công ty cũng rà soát các quy chế hoạt động, xây dựng định mức tồn kho nguyên liệu – vật tư phù hợp nhằm duy trì lượng dự trữ hợp lý, góp phần hạn chế nguy cơ thiếu hụt kéo dài và giảm thiểu tác động đến hoạt động sản xuất.



CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO CẠNH TRANH

Sản phẩm trọng yếu của Công ty hiện tại vẫn là bia. Tuy nhiên, thị trường đồ uống có cồn đang trở nên ngày càng cạnh tranh khi người tiêu dùng đang có nhiều sự lựa chọn hơn, không chỉ từ các doanh nghiệp trong ngành bia mà còn từ các nhà sản xuất rượu, nước trái cây lên men và các sản phẩm pha chế. Các loại cocktail và đồ uống pha trộn ngày càng được ưa chuộng nhờ tính thời thượng, được phục vụ phổ biến tại nhà hàng, quán bar và các không gian giải trí. Bên cạnh đó, xu hướng tiêu dùng của giới trẻ đang thay đổi mạnh mẽ theo hướng ưu tiên sức khỏe và sự an toàn khi tham gia giao thông. Nhu cầu đối với các sản phẩm ít đường, ít cồn hoặc không cồn ngày càng tăng, khiến thị trường truyền thống của ngành bia thu hẹp hơn. Trong khi đó, cuộc cạnh tranh trong phân khúc đồ uống không cồn đang diễn ra sôi động với sự xuất hiện của nhiều sản phẩm thay thế như Heineken 0.0 hay Sagota không cồn – phân khúc mà SABECO vẫn chưa thực sự bắt kịp xu hướng.

Trong bối cảnh đó, để duy trì vị thế cạnh tranh và giữ chân người tiêu dùng, Công ty cần liên tục làm mới hình ảnh thương hiệu, đầu tư mạnh vào nghiên cứu – phát triển sản phẩm mới phù hợp thị hiếu, đồng thời cung cấp các sản phẩm có mức giá hợp lý, đáp ứng khả năng chi trả của người tiêu dùng trong nước.



RỦI RO LÃI XUẤT

Năm 2025, thị trường tài chính – ngân hàng Việt Nam duy trì sự ổn định và phát triển lành mạnh, với tăng trưởng tín dụng ước đạt khoảng 17,87%. Mặt bằng lãi suất được giữ ở mức hợp lý, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Tuy nhiên, sự ổn định này vẫn chịu tác động nhất định từ bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều bất định, đặc biệt là xu hướng gia tăng các chính sách bảo hộ từ nền kinh tế Mỹ và những biến động trong chính sách tiền tệ quốc tế. Những yếu tố này có thể làm gia tăng áp lực lên mặt bằng lãi suất toàn cầu, qua đó lan tỏa và tạo sức ép điều chỉnh đối với lãi suất trong nước trong thời gian tới, làm gia tăng rủi ro biến động lãi suất và ảnh hưởng gián tiếp đến chi phí vốn của doanh nghiệp.

Nhận thức được điều này, Công ty chủ động theo dõi sát diễn biến lãi suất và chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời xây dựng các phương án ứng phó linh hoạt. Cùng với đó, Công ty ưu tiên lựa chọn các ngân hàng lớn, uy tín, có năng lực tài chính vững mạnh cho các khoản tiền gửi và khoản vay, đồng thời triển khai các biện pháp quản lý rủi ro lãi suất một cách chặt chẽ và chủ động trong các giai đoạn biến động.



RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro nêu trên, Công ty vẫn đối mặt với một số rủi ro khó dự đoán và khó kiểm soát như thiên tai, dịch bệnh,... Những sự kiện này có thể gây gián đoạn chuỗi cung ứng, tạm dừng hoạt động sản xuất hoặc ảnh hưởng đến sức khỏe, an toàn của người lao động. Để giảm thiểu tác động, Công ty đã xây dựng kế hoạch ứng phó khẩn cấp, chuẩn bị các phương án dự phòng, đầu tư bảo hiểm tài sản và hỗ trợ mua bảo hiểm sức khỏe cho người lao động nhằm bảo vệ lực lượng nhân sự trong các tình huống bất ngờ và khẩn cấp.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 22 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 26 Tổ chức và nhân sự
- 30 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 31 Tình hình tài chính
- 36 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 40 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

CƠ CẤU DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2024		2025		% Tăng/giảm	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán thành phẩm	320.126	98,04%	250.715	97,46%	-69.410	-21,68%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.118	0,34%	576	0,22%	-541	-48,45%
3	Doanh thu khác	5.291	1,62%	5.966	2,32%	675	12,76%
Tổng cộng		326.534	100,00%	257.257	100,00%	-69.277	-21,22%

Trong năm 2025, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty ghi nhận sự sụt giảm so với năm trước. Cụ thể, tổng doanh thu đạt 257.257 triệu đồng, giảm 69.277 triệu đồng, tương ứng giảm 21,22% so với năm 2024.

Diễn biến trên chủ yếu xuất phát từ sự suy giảm của mảng kinh doanh cốt lõi là doanh thu bán thành phẩm. Trong năm, doanh thu bán thành phẩm ghi nhận sự sụt giảm từ 320.126 triệu đồng năm 2024 xuống 250.715 triệu đồng năm 2025, tương ứng giảm 21,68% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả này phần nào phản ánh bối cảnh chung của ngành bia trong năm 2025 khi thị trường đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Các chính sách và quy định của Nhà nước liên quan đến việc kiểm soát và xử lý vi phạm nồng độ cồn khi tham gia giao thông, cùng với sự cạnh tranh ngày càng gia tăng trong ngành và những yếu tố vĩ mô bất lợi, đã tạo áp lực đáng kể lên hoạt động tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Bên cạnh đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cũng ghi nhận xu hướng giảm, từ 1.118 triệu đồng trong năm 2024 xuống còn 576 triệu đồng trong năm 2025, tương ứng giảm 48,45%.

Ở chiều ngược lại, doanh thu khác ghi nhận sự tăng trưởng tích cực, đạt 5.966 triệu đồng, tăng 675 triệu đồng, tương ứng tăng 12,76% so với năm trước. Kết quả này cho thấy những nỗ lực của Công ty trong việc khai thác thêm các nguồn thu ngoài hoạt động kinh doanh chính, qua đó góp phần hỗ trợ và bù đắp một phần cho sự suy giảm của mảng doanh thu cốt lõi.

TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ
257.257 triệu đồng

21,22%
so với năm 2024

Nhìn chung, trong năm 2025, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu tác động đáng kể từ những khó khăn chung của thị trường, dẫn đến sự suy giảm về quy mô doanh thu so với năm trước.



CƠ CẤU CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2024		2025		% Tăng/giảm	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Chi phí nguyên vật liệu	256.136	79,20%	209.112	77,38%	-47.024	-18,36%
2	Chi phí nhân công và nhân viên	26.403	8,16%	23.690	8,77%	-2.713	-10,28%
3	Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.388	6,00%	17.997	6,66%	-1.392	-7,18%
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.435	4,77%	12.126	4,49%	-3.309	-21,44%
5	Chi phí khác	6.028	1,86%	7.313	2,71%	1.286	21,33%
Tổng cộng		323.390	100,00%	270.238	100,00%	-53.152	-16,44%

Trong năm 2025, tổng chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố của Công ty ghi nhận sự sụt giảm, cụ thể giảm từ 323.390 triệu đồng năm 2024 xuống 270.238 triệu đồng năm 2025, tương ứng giảm 16,44% so với năm trước.

Sự biến động của tổng chi phí chủ yếu đến từ sự sụt giảm của chi phí nguyên vật liệu – khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty. Cụ thể, chi phí nguyên vật liệu giảm từ 256.136 triệu đồng năm 2024 xuống còn 209.112 triệu đồng trong năm 2025, tương ứng giảm 18,36%. Việc giảm chi phí nguyên vật liệu phần nào phản ánh những nỗ lực của Công ty trong công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu hiệu quả hơn, khi tỷ trọng chi phí nguyên vật liệu trong tổng chi phí ghi nhận giảm từ 81,13% xuống còn 77,38% trong năm 2025.

Ngoài ra, một số khoản mục chi phí khác cũng ghi nhận xu hướng giảm trong năm. Cụ thể, chi phí nhân công và nhân viên, chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí dịch vụ mua ngoài lần lượt giảm 10,28%, 7,18% và 21,44% so với cùng kỳ năm trước. Những biến động này cho thấy Công ty đã thực hiện các biện pháp điều chỉnh cơ cấu chi phí nhằm phù hợp với quy mô hoạt động và điều kiện kinh doanh trong năm. Ở chiều ngược lại, chi phí khác ghi nhận mức tăng đáng kể, đạt 7.313 triệu

TỔNG CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ
270.238 triệu đồng

16,44%
so với năm 2024

đồng, tăng 21,33% so với năm 2024. Sự gia tăng của khoản mục này phần nào làm gia tăng áp lực lên chi phí hoạt động và ảnh hưởng nhất định đến khả năng cải thiện biên lợi nhuận của Công ty.

Nhìn chung, nhờ các biện pháp kiểm soát chi phí và tối ưu hóa hoạt động sản xuất kinh doanh, tỷ suất Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (LN HỖSXKD/DTT) của Công ty trong năm 2025 đã được cải thiện, tăng từ 4,25% lên 4,48%. Điều này cho thấy hiệu quả hoạt động cốt lõi của Công ty đã có sự cải thiện nhất định, dù môi trường kinh doanh vẫn còn nhiều thách thức, qua đó góp phần duy trì hiệu quả kinh doanh và tạo nền tảng cho sự ổn định trong các giai đoạn tiếp theo.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2024	TH 2025	KH 2025	TH 2025/ TH 2024	TH 2025/ KH 2025
1	Doanh thu thuần	326.341	257.162	390.866	78,80%	65,79%
2	Lợi nhuận trước thuế	7.843	5.510	16.093	70,26%	34,24%
3	Lợi nhuận sau thuế	4.579	2.720	11.592	59,40%	23,46%
4	Cổ tức (bằng tiền)	0%	5%	8%	-	62,50%

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

5.510 triệu đồng

Đạt 34,24% so với KH năm 2025

CỔ TỨC (BẰNG TIỀN)

5 phần trăm

Đạt 62,5% so với KH năm 2025

Năm 2025 tiếp tục là một năm nhiều thách thức đối với ngành bia khi các chính sách kiểm soát nồng độ cồn được duy trì, xu hướng tiêu dùng ngày càng thận trọng và sức mua thị trường suy giảm. Bối cảnh kinh doanh kém thuận lợi này đã tác động trực tiếp đến tình hình hoạt động của Công ty trong năm qua. Trong bối cảnh đó, kết quả kinh doanh của Công ty ghi nhận sự sụt giảm và chưa đạt kế hoạch đề ra. Cụ thể, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2025 đạt 257.162 triệu đồng, tương ứng 78,80% so với thực hiện năm 2024 và 65,79% so với kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế đạt 5.510 triệu đồng, bằng 70,26% so với cùng kỳ năm trước và 34,24% kế hoạch; trong khi lợi nhuận sau thuế đạt 2.720 triệu đồng, tương ứng 59,40% so với năm trước và 23,46% kế hoạch.

Nhìn chung, kết quả thực hiện năm 2025 phản ánh rõ những khó khăn chung của ngành trong bối cảnh kinh tế không thuận lợi. Trên cơ sở đó, Công ty tiến hành rà soát và điều chỉnh chiến lược kinh doanh cũng như cơ cấu chi phí theo hướng linh hoạt hơn, nhằm từng bước cải thiện hiệu quả hoạt động trong các kỳ tiếp theo.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính đến ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Văn Sang	Tổng Giám đốc	-	-
2	Phan Duy Linh	Kế toán trưởng	32.456	0,162%

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

01

ÔNG TRẦN VĂN SANG

Tổng giám đốc

Năm sinh

Quốc tịch

Trình độ chuyên môn

Chức vụ hiện nay tại Công ty

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

Quá trình công tác

1981

Việt Nam

- Kỹ sư Công nghệ thực phẩm
- Brewmaster SABECO
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Tổng Giám đốc

Không có

2007 - 2008

CTCP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Chuyên viên Ban quản lý dự án

2009 - 2009

CTCP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Tổ trưởng Tổ Nấu - Lên men

2010 - 2011

CTCP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Trưởng Phòng HC-TH

2011 - 2014

CTCP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Quản đốc Xưởng sản xuất

2014 - 8/2024

CTCP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Phó Giám đốc Kỹ thuật - Sản xuất

10/2024 – 6/2025

CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô

Phó Tổng Giám đốc

6/2025 - Nay

CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô

Tổng Giám đốc

Số lượng cổ phần sở hữu:	0	Cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu cá nhân	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu đại diện	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu của người có liên quan	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%

02

ÔNG PHAN DUY LINH

Kế toán trưởng

Năm sinh

Quốc tịch

Trình độ chuyên môn

Chức vụ hiện nay tại Công ty

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

1971

Việt Nam

Cử nhân Tài chính - Kế toán

Kế toán trưởng

Không có

Quá trình công tác

06/1996 - 03/2001	Công ty Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán
04/2001 - 01/2002	Nhà máy Bia Sóc Trăng	Nhân viên Kế toán
02/2002 - 12/2002	Nhà máy Bia Cần Thơ	Nhân viên Kế toán
01/2003 - 04/2005	Nhà máy Bia Sài Gòn Cần Thơ	Nhân viên Kế toán
05/2005 - 06/2006	Nhà máy Bia Sài Gòn Cần Thơ	Nhân viên Kế toán
07/2006 - 10/2006	CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây	Nhân viên Kế toán
01/2007 - 05/2022	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Kế toán trưởng
01/2022 - 12/2022	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Phó Tổng Giám đốc
01/2023 - 27/09/2023	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
27/09/2023 - nay	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Kế toán trưởng

Số lượng cổ phần sở hữu:	32.456	Cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,162%
Sở hữu cá nhân	32.456	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,162%
Sở hữu đại diện	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%
Sở hữu của người có liên quan	0	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0%

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2025

01

Ngày 19/5/2025, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐQT về việc miễn nhiệm Tổng Giám Đốc đối với ông Nguyễn Đăng Huy, hiệu lực kể từ ngày 01/6/2025.

02

Ngày 19/5/2025, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐQT về việc bổ nhiệm Tổng Giám Đốc, miễn nhiệm Phó Tổng Giám Đốc đối với ông Trần Văn Sang, hiệu lực kể từ ngày 01/6/2025 cho đến khi Hội đồng quản trị có quyết định mới.

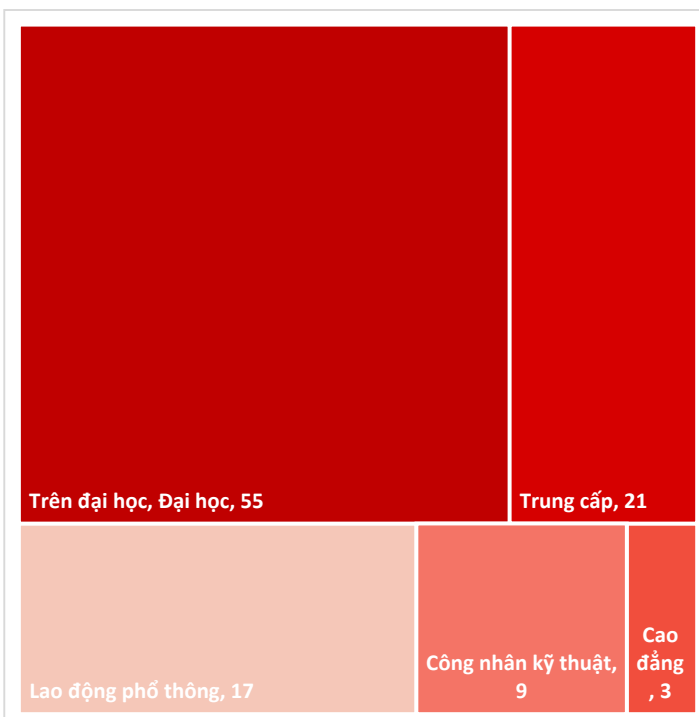
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tính đến ngày 31/12/2025

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ	105	100,00%
1	Trên đại học, Đại học	55	52,38%
2	Cao đẳng	3	2,86%
3	Trung cấp	21	20,00%
4	Công nhân kỹ thuật (Bằng nghề, chứng chỉ nghề, sơ cấp nghề)	9	8,57%
5	Lao động phổ thông	17	16,19%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	105	100,00%
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	98	93,33%
2	Hợp đồng có xác định thời hạn	7	6,67%
3	Hợp đồng theo thời vụ	0	0,00%
III	Theo giới tính	105	100,00%
1	Nam	81	77,14%
2	Nữ	24	22,86%

THEO TRÌNH ĐỘ



THEO TÍNH CHẤT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

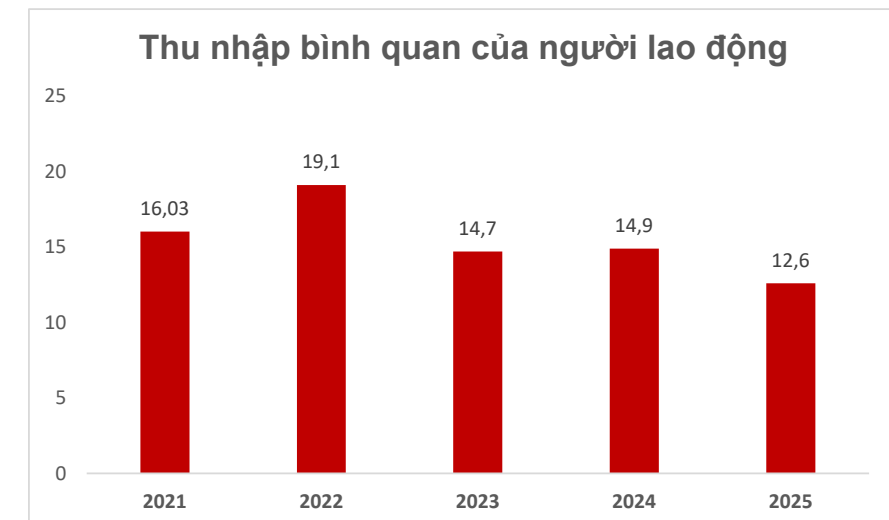


THEO GIỚI TÍNH



MỨC THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM

Năm	2021	2022	2023	2024	2025
Thu nhập bình quân của người lao động (Triệu đồng/người/tháng)	16,03	19,10	14,70	14,90	12,60



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Đào tạo là nhiệm vụ trọng tâm trong chính sách phát triển nguồn nhân lực của Công ty. Công tác đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, tay nghề cho cán bộ, công nhân viên được Công ty duy trì thường xuyên. Hàng năm, Công ty đều cử người lao động tiêu biểu tham gia học tập chuyên đề, hội thảo khoa học và công nghệ. Đối với khối sản xuất, công nhân được tham gia khóa đào tạo bổ sung tay nghề, hướng dẫn nghiệp vụ và kiến thức về an toàn điện, an toàn bức xạ, lò hơi, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm,... Chính sách đào tạo được thực hiện nhất quán từ cấp độ cơ bản đến chuyên sâu thông qua các chương trình đào tạo nội bộ và qua các đơn vị tư vấn đào tạo chuyên nghiệp.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI

- o Về tiền lương:

Toàn thể người lao động hưởng đơn giá tiền lương theo vị trí việc làm. Công ty đã xây dựng quy chế thang bảng lương riêng và nâng bậc lương cho người lao động kể từ năm 2014. Công ty tiến hành xét và thi nâng bậc lương cho người lao động theo quy định.

- o Về tiền thưởng:

Công ty luôn trân trọng và đánh giá cao nỗ lực, sáng tạo, sự tận tâm và thành quả từng nhân viên mang lại và cam kết ghi nhận bằng các cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp, được tôn vinh và khẳng định bản thân. Tùy theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc đề xuất Hội đồng quản trị phê duyệt các quyết định khen thưởng.

- Về chính sách phúc lợi, đãi ngộ:

Công ty thực hiện đầy đủ chế độ chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn cho người lao động; tổ chức khám sức khỏe định kỳ và bệnh nghề nghiệp, bồi dưỡng, hỗ trợ bồi dưỡng độc hại cho người lao động; tổ chức cho nhân viên đi nghỉ mát hàng năm; giải quyết đầy đủ chế độ nghỉ phép, thai sản, ốm đau, nằm viện,....

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Công ty thực hiện đầu tư vào CTCP Bia Sài Gòn
- Kiên Giang 500.000 cổ phiếu tương ứng với 4,3% sở hữu và quyền biểu quyết.

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

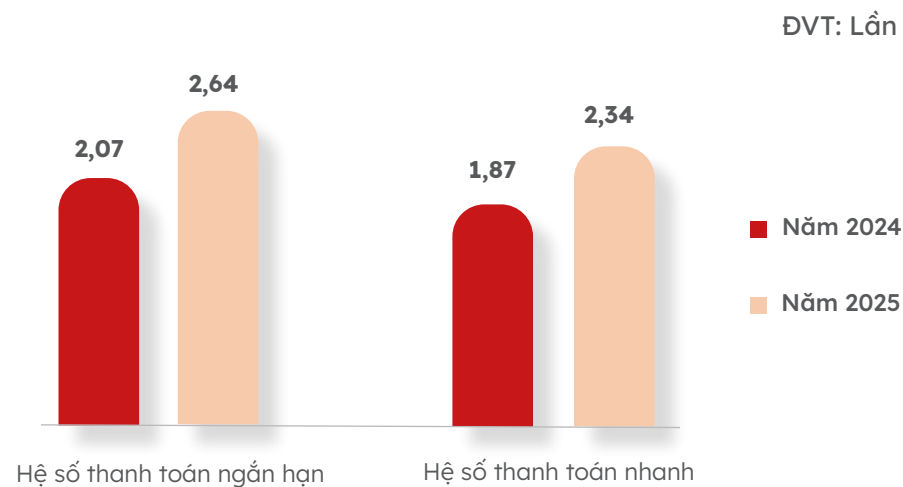
ĐVT: Triệu đồng				
STT	Chỉ tiêu	2024	2025	% 2025/2024
1	Tổng giá trị tài sản	438.407	395.490	-9,79%
2	Doanh thu thuần	326.341	257.162	-21,20%
3	Giá vốn hàng bán	303.384	242.277	-20,14%
4	Lợi nhuận gộp	22.957	14.885	-35,16%
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.864	11.513	-16,96%
6	Lợi nhuận khác	-6.022	-6.003	-0,31%
7	Lợi nhuận trước thuế	7.843	5.510	-29,74%
8	Lợi nhuận sau thuế	4.579	2.720	-40,60%
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	206	122	-40,78%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2024	2025
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,07	2,64
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,87	2,34
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	37,51	30,06
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	60,02	42,97
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	9,92	7,13
	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,78	0,62
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	1,40	1,06
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	1,68	0,99
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	1,09	0,65
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,25	4,48

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN



Trong năm 2025, Công ty ghi nhận sự cải thiện đáng kể ở các chỉ tiêu về khả năng thanh toán. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt đạt 2,64 lần và 2,34 lần, tăng tương ứng 27,54% và 25,13% so với cùng kỳ năm trước.

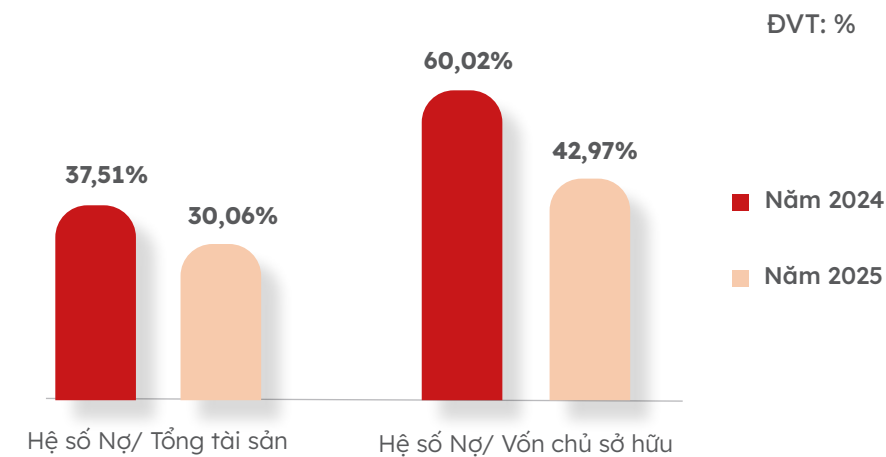
Sự cải thiện trên chủ yếu đến từ sự sụt giảm đáng kể của các khoản nợ ngắn hạn. Cụ thể, tổng nợ ngắn hạn trong năm 2025 đạt 118.871 triệu đồng, giảm 45.565 triệu đồng, tương ứng giảm 27,71% so với năm trước. Sự sụt giảm này chủ yếu xuất phát từ việc Công ty chủ động giảm các khoản mục chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nợ ngắn hạn, bao gồm vay ngắn hạn cũng như thuế và các khoản phải nộp Nhà nước. Trong đó, vay ngắn hạn giảm 26.179 triệu đồng, tương ứng giảm 24,78%, trong khi thuế và các khoản phải nộp Nhà nước giảm 10.376 triệu đồng, tương ứng giảm 24,80% so với cùng kỳ năm trước. Diễn biến này cho thấy định hướng thận trọng của Công ty trong việc giảm bớt đòn bẩy tài chính và củng cố nền tảng an toàn tài chính trong giai đoạn thị trường kinh doanh còn nhiều biến động.

Về phía tài sản ngắn hạn, trong năm 2025, Công ty ghi nhận sự điều chỉnh nhẹ về quy mô. Cụ thể, tài sản ngắn hạn đạt 314.147 triệu đồng, giảm 7,67% so với cùng kỳ

năm trước. Trong đó, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền ghi nhận mức giảm đáng kể, giảm 31.843 triệu đồng, tương ứng giảm 97,51% so với năm 2024. Trong năm, Công ty không triển khai các dự án đầu tư quy mô lớn, sự điều chỉnh quy mô tài sản chủ yếu phản ánh định hướng tái cơ cấu bảng cân đối kế toán theo hướng thận trọng hơn, ưu tiên sử dụng nguồn tiền để giảm các nghĩa vụ nợ ngắn hạn. Cách tiếp cận này góp phần cải thiện khả năng thanh toán, đồng thời nâng cao mức độ linh hoạt tài chính của Công ty trong bối cảnh còn nhiều thách thức.

Nhìn chung, việc cải thiện các chỉ tiêu thanh khoản trong năm 2025 cho thấy Công ty đã chủ động điều chỉnh cấu trúc tài chính theo hướng an toàn và bền vững hơn. Điều này không chỉ giúp nâng cao khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn mà còn tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong các giai đoạn tiếp theo.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN



Trong năm 2025, cơ cấu vốn của Công ty ghi nhận sự thay đổi theo hướng thận trọng và an toàn hơn. Cụ thể, hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm từ 37,51% xuống còn 30,06%, tương ứng giảm 19,86% so với năm trước; trong khi hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu cũng giảm từ 60,02% xuống còn 42,97%, tương ứng giảm 28,41%.

Sự cải thiện của các chỉ tiêu trên chủ yếu phản ánh định hướng tái cơ cấu bảng cân đối kế toán theo hướng thận trọng hơn của Công ty. Trong năm, Công ty chủ động giảm các nghĩa vụ phải trả, đặc biệt là các khoản vay ngắn hạn – khoản mục chiếm tỷ trọng lớn trong tổng cơ cấu nợ. Cụ thể, vay ngắn hạn giảm 24,78% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước cũng điều chỉnh giảm 24,80% so với năm 2024. Việc giảm các nghĩa vụ nợ này góp phần cải thiện mức độ an toàn tài chính và giảm áp lực thanh toán trong ngắn hạn.

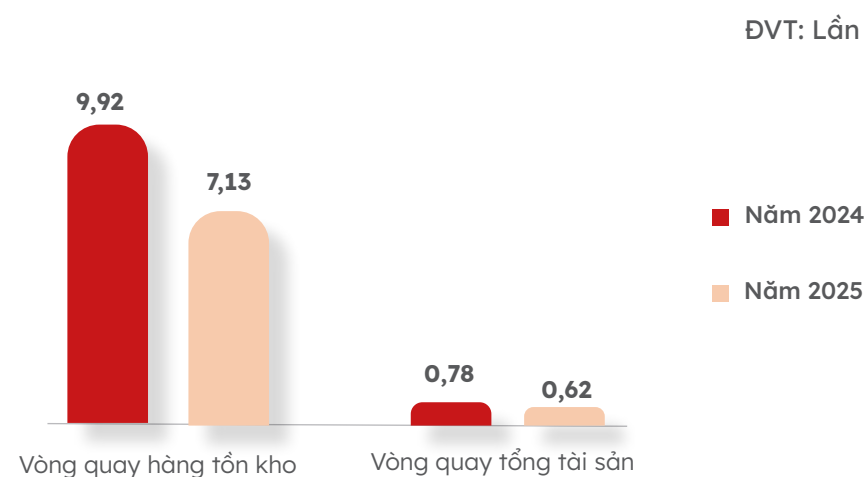
Về phía vốn chủ sở hữu, quy mô vốn tiếp tục được củng cố từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Mặc dù bối cảnh kinh doanh của ngành bia còn nhiều khó khăn và thách thức, Công ty đã chủ động triển khai các biện pháp quản lý chi phí, đặc biệt là kiểm soát chi phí nguyên vật liệu – khoản mục chiếm tỷ trọng lớn trong

tổng chi phí hoạt động. Nhờ đó, tác động tiêu cực từ sự sụt giảm doanh thu đã phần nào được hạn chế, qua đó hỗ trợ duy trì lợi nhuận và đóng góp vào sự gia tăng của vốn chủ sở hữu.

Nhìn chung, trong năm 2025 Công ty đã chủ động điều chỉnh cơ cấu vốn theo hướng giảm dần mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay, qua đó nâng cao mức độ an toàn tài chính và tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong các giai đoạn tiếp theo.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



Trong năm 2025, bối cảnh kinh doanh còn nhiều khó khăn và thách thức đã phần nào tác động đến các chỉ tiêu phản ánh năng lực hoạt động của Công ty khi các chỉ số này ghi nhận sự sụt giảm so với năm trước. Cụ thể, vòng quay hàng tồn kho giảm từ 9,92 vòng năm 2024 xuống còn 7,13 vòng năm 2025, tương ứng giảm 28,12% so với năm trước. Đồng thời, vòng quay tổng tài sản cũng ghi nhận giảm từ 0,78 lần xuống còn 0,62 lần, tương ứng giảm 20,51% so với cùng kỳ năm trước.

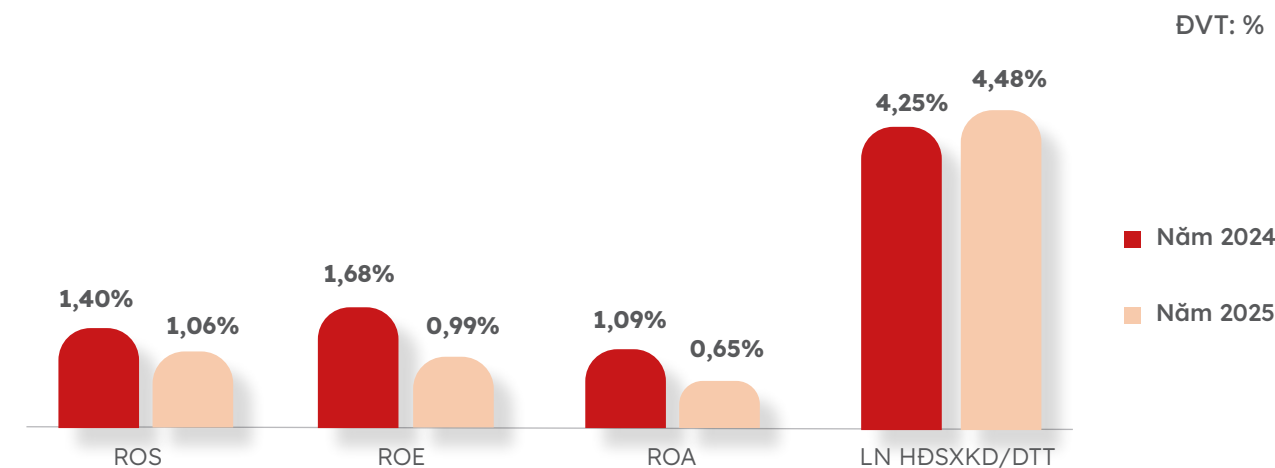
Sự sụt giảm của các chỉ tiêu trên chủ yếu xuất phát từ kết quả kém khả quan của hoạt động kinh doanh cốt lõi. Trong cơ cấu doanh thu của Công ty, doanh thu từ bán thành phẩm chiếm tỷ trọng áp đảo, đạt 97,46% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Trong năm 2025, doanh thu từ mảng này chỉ đạt 250.715 triệu đồng, giảm 21,68% so với năm trước. Việc doanh thu suy giảm đã trực tiếp làm giảm hiệu quả khai thác tài sản, qua đó kéo theo sự sụt giảm của vòng quay tổng tài sản.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh nhu cầu thị trường chưa phục hồi, sản lượng tiêu thụ không theo kịp sản lượng sản xuất, khiến quy mô hàng tồn kho vẫn ghi nhận xu hướng gia tăng. Diễn biến này làm chậm quá trình luân chuyển hàng hóa, qua đó kéo giảm vòng quay hàng tồn kho so với năm trước đồng thời phản ánh rõ nét áp lực

tiêu thụ mà Công ty đang đối mặt trong điều kiện thị trường kém thuận lợi.

Nhìn chung, các chỉ tiêu năng lực hoạt động trong năm 2025 phản ánh những tác động từ sự sụt giảm của thị trường tiêu thụ đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



Trong năm 2025, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty nhìn chung ghi nhận sụt giảm so với năm 2024. Cụ thể, ROS, ROE và ROA giảm lần lượt 24,29%, 41,07% và 40,37% so với cùng kỳ năm trước.

Sự sụt giảm của các chỉ tiêu ROS, ROE và ROA chủ yếu xuất phát từ việc doanh thu mảng kinh doanh cốt lõi thu hẹp, qua đó làm giảm hiệu quả sinh lời chung của Công ty. Trong năm 2025, doanh thu bán thành phẩm đạt 250.715 triệu đồng, giảm 21,68% so với năm trước. Nguồn doanh thu này chiếm 97,46% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, do đó sự suy giảm của mảng này đã tác động trực tiếp đến hiệu quả sinh lời chung của Công ty.

Trước bối cảnh doanh thu giảm, Công ty đã có những nỗ lực trong việc kiểm soát cơ cấu chi phí nhằm hạn chế tác động tiêu cực của sự sụt giảm doanh thu lên các chỉ số sinh lời. Những biện pháp kiểm soát chi phí này phần nào được phản ánh qua sự cải thiện của chỉ tiêu LN HDSXKD/DTT trong năm 2025. Cụ thể, chỉ tiêu LN HDSXKD/DTT ghi nhận sự cải thiện nhẹ, tăng từ 4,25% năm 2024 lên 4,48% năm 2025, cho thấy biên lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi vẫn ghi nhận được sự cải thiện nhất định.

Tuy nhiên, chi phí khác phát sinh trong kỳ đã tạo áp lực đáng kể lên lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Công ty.

Khoản chi phí này chủ yếu liên quan đến chi phí khấu hao của các tài sản cố định tạm ngừng sử dụng. Trong bối cảnh doanh thu suy giảm, việc duy trì các khoản chi phí khấu hao này đã làm gia tăng gánh nặng chi phí trên mỗi đơn vị doanh thu, qua đó bào mòn lợi nhuận và kéo giảm các chỉ tiêu sinh lời như ROS, ROE và ROA.

Nhìn chung, sự suy giảm doanh thu từ hoạt động kinh doanh cốt lõi kết hợp với áp lực từ chi phí khấu hao của các tài sản tạm ngừng hoạt động đã làm giảm hiệu quả sinh lời tổng thể của Công ty trong năm 2025. Tuy nhiên, thông qua các biện pháp chủ động kiểm soát chi phí và tối ưu hóa cơ cấu hoạt động, Công ty đã phần nào cải thiện được biên lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo nền tảng để nâng cao hiệu quả sinh lời trong các giai đoạn tiếp theo khi điều kiện kinh doanh thuận lợi hơn.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHẦN



Mệnh giá cổ phần
 10.000 VND/cổ phần

Loại cổ phần:
 Cổ phiếu phổ thông

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tại ngày đăng ký cuối cùng gần nhất: 24/03/2026

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	255	17.683.250	176.832.500.000	88,42%
1	Cổ đông nhà nước	-	-	-	-
2	Cổ đông cá nhân	248	10.401.559	104.015.590.000	52,01%
3	Cổ đông tổ chức	7	7.281.691	72.816.910.000	36,41%
II	Cổ đông nước ngoài	2	2.316.750	23.167.500.000	11,58%
1	Cổ đông cá nhân	1	500	5.000.000	0,003%
2	Cổ đông tổ chức	1	2.316.250	23.162.500.000	11,58%
Tổng cộng (I + II)		257	20.000.000	200.000.000.000	100,00%
Trong đó:					
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết)	4	8.194.557	81.945.570.000	40,97%
2	Cổ đông nắm giữ dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	253	11.805.443	118.054.430.000	59,03%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tại ngày đăng ký cuối cùng gần nhất: 24/03/2026

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.881.500	14,41%
2	CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây	Khu CN Trà Nóc, Phường Thới An Đông, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	1.891.807	9,46%
3	CTCP Nước Giải Khát Chương Dương	606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	1.105.000	5,53%
4	Capital Shine Limited	Heineken Asia Pacific PTE, Ltd. 9 North Buona Vista Drive, #12-01, The Metropolis Tower 1, Singapore 138588	2.316.250	11,58%
Tổng cộng			8.194.557	40,97%



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG VỀ MÔI TRƯỜNG

Tái sử dụng chất thải hữu ích

Các phụ phẩm như bã malt, men bia và một số loại chất thải không thể xử lý sinh học được Công ty thu hồi và chuyển giao cho các đơn vị sản xuất thức ăn chăn nuôi hoặc sử dụng trong các quy trình sản xuất khác nhằm gia tăng giá trị sử dụng.

Quản lý chất thải rắn

Những loại chất thải rắn không thể xử lý sinh học như bao bì, thủy tinh, kết nhựa và các vật liệu khó phân hủy được thu gom và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng xử lý chuyên nghiệp theo đúng quy định.

Trang bị hệ thống lọc khí và thông gió

Công ty đã đầu tư hệ thống lọc khí và thông gió hiện đại tại các khu vực sản xuất, góp phần giảm thiểu lượng khí thải phát sinh trong quá trình vận hành nhà máy.

Xử lý nước thải hiệu quả

Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi đưa vào hệ thống xử lý nước thải của khu công nghiệp. Đồng thời, Công ty áp dụng phương pháp xay ướt kết hợp với hệ thống lọc túi vải nhằm hạn chế phát sinh bụi tại các công đoạn nghiền và xử lý nguyên liệu.

Nâng cao nhận thức của người lao động

Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo và tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức của người lao động trong công tác quản lý chất thải và bảo vệ môi trường.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguồn nguyên vật liệu phục vụ sản xuất của Công ty được Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn (SABECO) thực hiện đặt hàng và cung cấp theo kế hoạch chung của hệ thống, qua đó đảm bảo sự ổn định về chất lượng, tính đồng bộ của sản phẩm và tính liên tục của hoạt động sản xuất. Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh được phê duyệt, Công ty phối hợp chặt chẽ với SABECO trong công tác tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguyên vật liệu một cách hiệu quả, đồng thời thực hiện kiểm soát tồn kho hợp lý nhằm hạn chế hao hụt, tối ưu chi phí và đảm bảo nguồn nguyên liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.



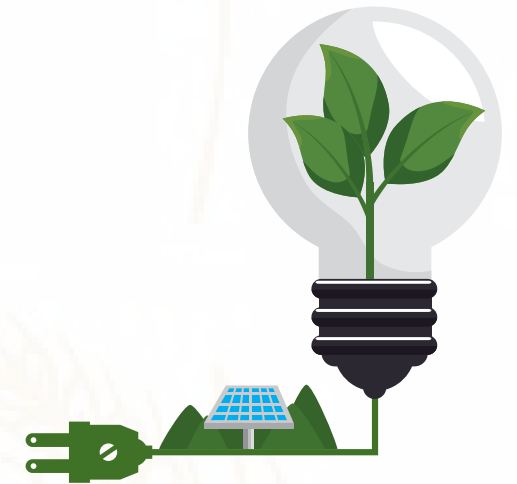
TIÊU THỤ NƯỚC



Công ty triển khai chiến lược giảm định mức tiêu thụ nước thông qua việc áp dụng nhiều giải pháp tối ưu trong sản xuất, bao gồm tái sử dụng nguồn nước và kiểm soát hao hụt trong quá trình vận hành. Việc tăng cường tiết kiệm và tái sử dụng nước, kết hợp với nâng cao ý thức của người lao động, góp phần giảm lượng nước tiêu thụ trực tiếp. Qua đó, Công ty có thể giảm chi phí nước, chi phí xử lý nước thải và năng lượng phục vụ sản xuất, đồng thời góp phần hạ giá thành sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Là một phần trong hệ thống các nhà máy hiện đại và đồng bộ của SABECO trên toàn quốc, Công ty đã đầu tư mạnh mẽ vào dây chuyền sản xuất bia với mức độ tự động hóa cao. Toàn bộ quy trình sản xuất, từ khâu tiếp nhận nguyên liệu đến khâu hoàn thiện sản phẩm, được vận hành tự động, qua đó giúp tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực và giảm chi phí sản xuất. Bên cạnh đó, Công ty cũng tích cực nghiên cứu và triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng, hướng tới giảm chi phí điện năng và từng bước ứng dụng các nguồn năng lượng tái tạo trong hoạt động sản xuất.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cũng như sức khỏe của người lao động. Người lao động được tổ chức khám sức khỏe định kỳ, kiểm tra bệnh nghề nghiệp, được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và tham gia các gói bảo hiểm sức khỏe bổ sung. Đồng thời, Công ty tạo điều kiện để nhân viên tham gia các chương trình đào tạo, huấn luyện và trao đổi chuyên môn nhằm nâng cao trình độ và tay nghề. Thông qua các chính sách này, Công ty hướng tới xây dựng môi trường làm việc năng động, hiệu quả, tạo động lực để người lao động gắn bó và phát triển lâu dài cùng doanh nghiệp.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Hưởng ứng thông điệp của Tổng Công ty “Chung tay vì cộng đồng”, Công ty luôn đề cao trách nhiệm xã hội và tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ cộng đồng. Hằng năm, Công ty trích một phần ngân sách để đóng góp cho các chương trình an sinh xã hội như: tham gia các quỹ phúc lợi cộng đồng, tổ chức các hoạt động chăm lo Tết cho người nghèo, người cao tuổi và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ đồng bào chịu ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lũ và nhiều hoạt động ý nghĩa khác. Những hoạt động này thể hiện cam kết của Công ty trong việc đóng góp cho sự phát triển bền vững của xã hội và cộng đồng địa phương.





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TGD

- 44 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 46 Tình hình tài chính
- 49 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 49 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 49 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 50 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2025

Năm 2025 tiếp tục là một năm nhiều thách thức đối với ngành bia nói chung và Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô nói riêng. Chính sách kiểm soát nồng độ cồn, xu hướng tiêu dùng thận trọng hơn và sức mua thị trường suy giảm đã tạo áp lực lớn lên toàn ngành. Trong bối cảnh đó, hoạt động của Công ty chịu tác động đồng thời từ cả các yếu tố thuận lợi nội tại và những khó khăn mang tính hệ thống từ môi trường bên ngoài.

THUẬN LỢI

KHÓ KHĂN

Hội đồng Quản trị luôn sát sao, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc và kịp thời định hướng các giải pháp nhằm xử lý những khó khăn phát sinh trong quá trình hoạt động. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ công nhân viên được đào tạo bài bản, có sự phối hợp chặt chẽ và tinh thần hỗ trợ lẫn nhau trong sản xuất kinh doanh, qua đó góp phần duy trì và nâng cao năng suất hoạt động của Công ty.

Song song với các yếu tố nội tại, Công ty còn nhận được sự hỗ trợ toàn diện từ Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SABECO), từ cung cấp nguyên liệu đầu vào đến hệ thống phân phối đầu ra thành phẩm. Đồng thời, sự đồng hành của SABECO cùng chính quyền địa phương, đặc biệt trong công tác kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm, đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tình hình địa chính trị tại Ukraina, Trung Đông và nhiều khu vực trên thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, làm gia tăng áp lực lạm phát, tiềm ẩn rủi ro đối với thị trường tài chính toàn cầu. Trong bối cảnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành bia, rượu – vốn vẫn có mức độ phụ thuộc nhất định vào tình hình kinh tế và thị trường quốc tế – có thể chịu tác động tiêu cực và suy giảm theo đà chững lại của kinh tế thế giới.

Trên nền tảng những khó khăn chung của môi trường kinh tế, hệ thống chính sách pháp luật liên quan đến ngành bia, rượu cũng liên tục được điều chỉnh và hoàn thiện, điển hình như Nghị định 24, Nghị định 168 và Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt. Các quy định này, dù phù hợp với định hướng phát triển bền vững và bảo vệ sức khỏe cộng đồng, song cũng làm gia tăng yêu cầu tuân thủ và chi phí thích ứng đối với doanh nghiệp.

Trong khi đó, thị trường tiêu dùng tiếp tục biến động nhanh chóng với sự thay đổi rõ rệt trong hành vi và xu hướng tiêu dùng, đặc biệt là xu hướng thận trọng hơn trong chi tiêu và dịch chuyển sang các sản phẩm phù hợp hơn với nhu cầu sức khỏe. Sự kết hợp của các yếu tố vĩ mô, chính sách và thị trường đã tạo ra áp lực đa chiều đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2025

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	TH 2025	TH 2025/ TH 2024	TH 2025/ KH 2025
1	Doanh thu thuần	326.341	390.866	257.162	78,80%	65,79%
2	Lợi nhuận trước thuế	7.843	16.093	5.510	70,26%	34,24%
3	Lợi nhuận sau thuế	4.579	11.592	2.720	59,40%	23,46%
4	Cổ tức (bằng tiền)	0%	8%	5%	-	62.50%

Năm 2025 là một năm đầy thách thức đối với ngành bia khi các chính sách kiểm soát nồng độ cồn tiếp tục được siết chặt, trong khi tâm lý tiêu dùng trở nên thận trọng và sức mua suy giảm. Bối cảnh kém thuận lợi này đã tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô, qua đó làm giảm đáng kể hiệu quả hoạt động trong năm.

Trong điều kiện thị trường như vậy, kết quả kinh doanh của Công ty ghi nhận mức thực hiện thấp hơn so với kế hoạch đề ra. Cụ thể, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2025 đạt 257.162 triệu đồng, tương ứng 78,80% so với thực hiện năm 2024 và 65,79%

so với kế hoạch năm 2025. Lợi nhuận trước thuế đạt 5.510 triệu đồng, bằng 70,26% so với cùng kỳ và 34,24% kế hoạch; trong khi lợi nhuận sau thuế đạt 2.720 triệu đồng, tương ứng 59,40% so với năm trước và 23,46% kế hoạch.

Mức sụt giảm này phản ánh rõ tác động tiêu cực từ môi trường kinh doanh kém thuận lợi, qua đó cho thấy những khó khăn chung của ngành đã ảnh hưởng trực tiếp đến cả doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong năm qua.

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Trong bối cảnh năm 2025 đối mặt với nhiều thách thức từ thị trường và môi trường kinh doanh, Ban điều hành Công ty đã chủ động triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm duy trì hiệu quả hoạt động và ổn định kết quả kinh doanh.

Cụ thể, Công ty đã quyết liệt thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí, kiểm soát chặt chẽ dòng tiền và tối ưu hóa hoạt động vận hành. Trong năm, Ban điều hành tập trung cải thiện các định mức kinh tế kỹ thuật, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực. Cụ thể, định mức tiêu hao nguyên vật liệu chính như malt và barley được kiểm soát ở mức khoảng 104 kg/1.000 lít sản phẩm; các chỉ tiêu tiêu hao điện, nước và hơi cơ bản đạt hoặc thấp hơn mức định mức đã được phê duyệt. Đồng thời, việc đẩy mạnh phát triển mảng nước uống đóng chai và các

sản phẩm khác đã góp phần hỗ trợ, bù đắp một phần sự suy giảm của doanh thu từ hoạt động kinh doanh cốt lõi.

Nhờ việc triển khai hiệu quả các giải pháp cải tiến kỹ thuật và quản trị chi phí, Công ty đã ghi nhận mức tiết giảm chi phí đáng kể, góp phần cải thiện hiệu quả hoạt động. Điều này được thể hiện rõ qua việc hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên doanh thu thuần có xu hướng tăng trong năm, cho thấy chất lượng tăng trưởng được cải thiện dù doanh thu chịu áp lực từ thị trường.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2024		2025		% Tăng/giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	340.237	77,61%	314.147	79,43%	-26.090	-7,67%
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.656	9,60%	813	0,26%	-31.843	-97,51%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	243.870	71,68%	250.860	79,85%	6.990	2,87%
Các khoản phải thu ngắn hạn	31.577	9,28%	25.969	8,27%	-5.608	-17,76%
Hàng tồn kho	31.952	9,39%	36.001	11,46%	4.049	12,67%
Tài sản ngắn hạn khác	181	0,05%	503	0,16%	322	177,56%
Tài sản dài hạn	98.171	22,39%	81.343	20,57%	-16.828	-17,14%
Tài sản cố định	86.117	87,72%	77.737	95,57%	-8.380	-9,73%
Tài sản dở dang dài hạn	-	0,00%	321	0,39%	321	-
Đầu tư tài chính dài hạn	10.200	10,39%	-	0,00%	-10.200	-100,00%
Tài sản dài hạn khác	1.854	1,89%	3.285	4,04%	1.431	77,19%
Tổng tài sản	438.407	100,00%	395.490	100,00%	-42.917	-9,79%

TÀI SẢN NGẮN HẠN

314.147 triệu đồng

Chiếm 79,43% tỷ trọng tổng tài sản

Giảm 7,67% so với năm 2024

TÀI SẢN DÀI HẠN

81.343 triệu đồng

Chiếm 20,57% tỷ trọng tổng tài sản

Giảm 17,14% so với năm 2024

Tài sản ngắn hạn

Về cơ cấu tài sản, tài sản ngắn hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản của Công ty, đạt 314.147 triệu đồng, tương ứng 79,43% tổng tài sản. Trong đó, danh mục tài sản ngắn hạn tập trung chủ yếu ở các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, chiếm tỷ trọng 79,85% trong tổng tài sản ngắn hạn vào năm 2025. Điều này cho thấy Công ty duy trì lượng tài sản có tính thanh khoản cao, đồng thời tận dụng nguồn vốn nhàn rỗi để gia tăng thu nhập tài chính trong bối cảnh chưa phát sinh nhu cầu đầu tư quy mô lớn.

Trong năm 2025, tài sản ngắn hạn ghi nhận giảm 26.090 triệu đồng, tương ứng giảm 7,67% so với năm trước. Biến động này chủ yếu phản ánh việc Công ty chủ động sử dụng nguồn tiền để giảm các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, với giá trị nợ ngắn hạn giảm 45.565 triệu đồng so với cùng kỳ. Hành động cơ cấu lại nguồn vốn theo hướng trên của Công ty được đánh giá là phù hợp trong bối cảnh môi trường kinh doanh còn nhiều thách thức, khi Công ty vừa nâng cao hiệu quả sử dụng vốn,

vừa duy trì sự linh hoạt tài chính và giảm thiểu rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn.

Bên cạnh đó, hàng tồn kho ghi nhận xu hướng gia tăng, đạt 36.001 triệu đồng, tăng 12,67% so với cùng kỳ năm trước. Trong bối cảnh nhu cầu thị trường chưa thực sự phục hồi, việc tồn kho gia tăng phần nào phản ánh tốc độ tiêu thụ sản phẩm còn chậm, qua đó làm gia tăng áp lực lên hiệu quả luân chuyển vốn lưu động trong kỳ. Tuy nhiên, Công ty ghi nhận sự cải thiện trong công tác quản trị và thu hồi công nợ, khi các khoản phải thu ngắn hạn giảm 5.608 triệu đồng, tương ứng giảm 17,76% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc khoản phải thu khách hàng giảm từ 26.176 triệu đồng năm 2024 xuống còn 19.670 triệu đồng năm 2025.

Nhìn chung, trong năm 2025, cơ cấu tài sản ngắn hạn của Công ty không có biến động lớn, các thay đổi chủ yếu mang tính chủ động nhằm tái cơ cấu bảng cân đối theo hướng thận trọng hơn. Công ty tiếp tục duy trì tỷ trọng cao các tài sản có tính thanh khoản tốt, đồng thời dịch chuyển từ nắm giữ tiền mặt sang các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn có khả năng sinh lời, qua đó vừa đảm bảo khả năng thanh toán, vừa nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Tài sản dài hạn

Trong năm 2025, tài sản dài hạn của Công ty ghi nhận sự suy giảm so với năm trước. Cụ thể, tài sản dài hạn ghi nhận giảm 98.171 triệu đồng năm 2024 xuống 81.343 triệu đồng năm 2025, tương ứng giảm 17,14% so với cùng kỳ năm trước.

Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực sản xuất bia và mạch nha, tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu là tài sản cố định, bao gồm máy móc, thiết bị và nhà xưởng phục vụ sản xuất. Trong năm, tài sản cố định giảm 8.380 triệu đồng, tương ứng giảm 9,73% so với năm trước. Sự sụt giảm này chủ yếu xuất phát từ việc Công ty không phát sinh đầu tư mới hoặc mua sắm bổ sung tài sản cố định trong kỳ, trong khi vẫn duy trì trích khấu hao định kỳ đối với các tài sản hiện hữu, qua đó làm giá trị còn lại của tài sản giảm dần theo thời gian.

Song song với biến động trên, khoản mục đầu tư tài chính dài hạn cũng ghi nhận biến động

đáng kể khi giảm 10.200 triệu đồng, tương ứng 100% so với đầu năm. Sự thay đổi này chủ yếu xuất phát từ việc các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã đến kỳ thanh toán trong năm, qua đó Công ty thực hiện thu hồi toàn bộ giá trị đầu tư. Thực tế, các khoản đầu tư này chủ yếu là tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại ngân hàng với mức lãi suất khoảng 6%/năm; do đó, việc đáo hạn và thu hồi vốn mang tính chất luân chuyển dòng tiền theo kế hoạch, thay vì phản ánh rủi ro suy giảm giá trị hay hiệu quả đầu tư.

Nhìn chung, sự sụt giảm của tài sản dài hạn trong năm chủ yếu đến từ hai yếu tố: (i) giảm giá trị tài sản cố định do khấu hao trong bối cảnh không có đầu tư mới, và (ii) các khoản đầu tư tài chính dài hạn đến hạn và được thu hồi. Diễn biến này cho thấy Công ty đang trong giai đoạn thận trọng hơn đối với các quyết định đầu tư dài hạn, đồng thời ưu tiên gia tăng tính linh hoạt tài chính thông qua việc phân bổ dòng tiền nhiều hơn vào tài sản ngắn hạn.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2024		2025		% Tăng/giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	164.437	100,00%	118.871	100,00%	-45.565	-27,71%
Vay ngắn hạn	105.650	64,25%	79.471	66,85%	-26.179	-24,78%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.832	5,37%	1.847	1,55%	-6.984	-79,09%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	43	0,03%	-	0,00%	-43	-100,00%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	41.833	25,44%	31.458	26,46%	-10.376	-24,80%
Phải trả người lao động	3.971	2,42%	2.563	2,16%	-1.408	-35,46%
Chi phí phải trả ngắn hạn	781	0,47%	94	0,08%	-687	-87,93%
Phải trả ngắn hạn khác	2.861	1,74%	2.844	2,39%	-17	-0,59%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	465	0,28%	594	0,50%	129	27,73%
Tổng nợ phải trả	164.437	100,00%	118.871	100,00%	-45.565	-27,71%

Cơ cấu nợ của Công ty trong năm 2025 tiếp tục không phát sinh nợ dài hạn, phản ánh định hướng trong chiến lược sử dụng vốn của Công ty, đồng thời phù hợp với bối cảnh Công ty chưa phát sinh nhu cầu mở rộng đầu tư vào tài sản dài hạn. Trên cơ sở đó, toàn bộ nợ phải trả của Công ty tập trung ở nợ ngắn hạn, chủ yếu phục vụ cho nhu cầu vốn lưu động và duy trì hoạt động kinh doanh thường xuyên.

Trong năm, quy mô nợ ngắn hạn ghi nhận sự sụt giảm đáng kể, từ 164.437 triệu đồng năm 2024 xuống còn 118.871 triệu đồng năm 2025, tương ứng giảm 27,71% so với cùng kỳ năm trước. Diễn biến này cho thấy Công ty đang có xu hướng thu hẹp đòn bẩy tài chính trong ngắn hạn. Xét về nguyên nhân, sự sụt giảm của nợ ngắn hạn chủ yếu đến từ việc Công ty chủ động cắt giảm các khoản mục chiếm tỷ trọng lớn, bao gồm vay ngắn hạn và thuế và các khoản phải nộp Nhà nước. Cụ thể, vay ngắn hạn giảm 26.179 triệu đồng, tương ứng 24,78% so với năm trước; đồng thời, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước cũng giảm 10.376 triệu đồng, tương ứng 24,80%, xuống còn 31.458 triệu đồng.

TỔNG NỢ PHẢI TRẢ

118.871 triệu đồng

Giảm **27,71%** so với năm 2024

Nhìn chung, các biến động trên phản ánh định hướng của Công ty trong việc chủ động điều chỉnh cơ cấu nợ theo hướng giảm phụ thuộc vào nguồn vốn vay, qua đó góp phần hạn chế rủi ro tài chính và cải thiện mức độ an toàn tài chính trong bối cảnh hoạt động kinh doanh vẫn đối mặt với những thách thức nhất định.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công ty đã triển khai tái cơ cấu một số vị trí chức danh nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và tiết kiệm chi phí quản lý. Quá trình này tập trung vào việc tinh gọn bộ máy quản lý thông qua việc sắp xếp, hợp nhất hoặc điều chỉnh các vai trò phù hợp với nhu cầu thực tế, đảm bảo nguồn lực được phân bổ hợp lý. Việc cắt giảm những vị trí trùng lặp chức năng không chỉ giúp nâng cao năng suất làm việc mà còn giảm thiểu chi phí vận hành, tạo điều kiện để Công ty tập trung nguồn lực vào các mục tiêu chiến lược trọng tâm. Đây là một phần trong kế hoạch dài hạn nhằm duy trì lợi thế cạnh tranh và đáp ứng linh hoạt với yêu cầu phát triển bền vững.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Năm 2026, dự báo thị trường vẫn còn nhiều biến động về giá cả và lãi suất. Tuy nhiên, với tinh thần dự phòng rủi ro và tư duy chủ động, chúng tôi cam kết sẽ bám sát diễn biến thị trường, tập trung vào các sản phẩm mới và quản trị hiệu quả để bảo vệ lợi ích tối đa cho quý cổ đông.

Trước những diễn biến trên, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh dự kiến năm 2026 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2025	KH 2026	KH 2026/TH 2025
1	Tổng doanh thu	499.071	474.855	95,15%
2	Lợi nhuận trước thuế	5.510	3.715	61,57%
3	Lợi nhuận sau thuế	2.720	1.689	50,67%

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025, đơn vị kiểm toán Công ty TNHH KPMG Việt Nam đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo của Công ty, vì vậy Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn tuân thủ nghiêm các chỉ tiêu môi trường trong sử dụng điện, nước, năng lượng và kiểm soát phát thải, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Các hoạt động sản xuất luôn gắn với công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo cân bằng giữa tăng trưởng sản xuất và gìn giữ tài nguyên thiên nhiên.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty đánh giá cao những nỗ lực của đội ngũ cán bộ, nhân viên trong việc hoàn thành mục tiêu công việc và tuân thủ nghiêm túc các quy định nội bộ. Nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và tăng cường sự gắn kết, Công ty thường xuyên cải tiến các chính sách liên quan đến tuyển dụng, lương thưởng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, cũng như quy trình đánh giá, khen thưởng và kỷ luật. Những cải tiến này hướng đến việc tạo động lực làm việc bền vững và thúc đẩy sự gắn bó lâu dài của người lao động.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty luôn thực hiện trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng địa phương thông qua việc đóng góp và hỗ trợ người dân, đồng thời cam kết duy trì một môi trường sống sạch sẽ và an toàn trong khu vực hoạt động. Ngoài ra, Công ty tập trung tạo ra giá trị bền vững thông qua các chương trình hỗ trợ và phát triển cộng đồng, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động truyền thông để nâng cao văn hóa thương hiệu Bia Sài Gòn. Công ty cũng chú trọng vào việc nâng cao vị thế và hình ảnh của sản phẩm bia và nước uống tinh khiết trong cộng đồng.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 54 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty
- 54 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- 55 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2026

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã ban hành nhiều chính sách quan trọng nhằm hỗ trợ thực thi chiến lược phát triển của Công ty theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị luôn duy trì sự giám sát chặt chẽ đối với hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc, bảo đảm việc quản lý vận hành minh bạch, hiệu quả và phù hợp với định hướng phát triển

dài hạn. Hội đồng quản trị cũng phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành trong việc định hướng và dẫn dắt Công ty phát triển phù hợp với xu thế chung của ngành, bảo đảm năng lực cạnh tranh, đồng thời thúc đẩy việc sử dụng hiệu quả tài nguyên và kiểm soát tiêu hao năng lượng, qua đó đóng góp tích cực vào các mục tiêu môi trường – xã hội của hệ thống.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2025, Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong quá trình tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong việc chủ động, linh hoạt triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm ứng phó với bối cảnh thị trường kém thuận lợi. Ban điều hành đã thực hiện quyết liệt các biện pháp tiết giảm chi phí,

kiểm soát chặt chẽ dòng tiền và tối ưu hóa hoạt động vận hành. Đồng thời, Công ty tập trung cải thiện các định mức kinh tế – kỹ thuật, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và góp phần hạn chế tác động bất lợi đến kết quả kinh doanh. Những kết quả này thể hiện tinh thần trách nhiệm, sự linh hoạt trong điều hành và cam kết đồng hành cùng mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026

Năm 2026, HĐQT xác định Công ty sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức, do đó, ưu tiên hàng đầu là ổn định hoạt động, củng cố nội tại và quản trị rủi ro trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị xác định ưu tiên trọng tâm là ổn định hoạt động, củng cố nền tảng nội tại và tăng cường năng lực quản trị rủi ro, nhằm nâng cao khả năng chống chịu và thích ứng của Công ty trước các yếu tố bất định của môi trường kinh doanh.

Để chủ động ứng phó với những diễn biến phức tạp của thị trường, đồng thời phát huy các kết quả đã đạt được trong giai đoạn trước, Hội đồng quản trị định hướng Ban điều hành tập trung triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Duy trì hoạt động sản xuất bám sát kế hoạch đặt hàng của SABECO, đồng thời tối ưu công suất và kiểm soát chi phí.
- Từng bước đa dạng hóa sản phẩm và nguồn doanh thu trên cơ sở khai thác năng lực hiện có.
- Tăng cường quản lý tài chính, đảm bảo an toàn thanh khoản và hiệu quả sử dụng vốn.
- Rà soát, củng cố tổ chức và nâng cao kỷ luật vận hành nhằm ổn định bộ máy.
- Tăng cường kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro nhằm bảo vệ lợi ích của cổ đông.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 58 Hội đồng Quản trị
- 64 Ban kiểm soát
- 66 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tính đến ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu đại diện	Tỷ lệ đại diện
1	Phan Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	2.881.500	14,408%
2	Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên HĐQT không điều hành	1.891.807	9,46%
3	Văn Thanh Liêm	Thành viên HĐQT không điều hành	1.082.942	5,42%
4	Lê Hoàng Thịnh	Thành viên HĐQT không điều hành	654.225	3,27%
5	Trần Lê Hoa	Thành viên HĐQT không điều hành	-	-

01ÔNG PHAN THANH HẢI
Chủ tịch HĐQT

Năm sinh	1982
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Công nghệ Dệt – Đại học Bách Khoa Hà Nội Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh – Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Chủ tịch HĐQT - Thành viên không điều hành
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	- Phó Giám đốc Kế hoạch (Phụ trách Ban) - Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn - Thành viên HĐQT - CTCP Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Quá trình công tác	
06/2008 - 04/2011	Công ty Dệt Hà Nam Chuyên viên mua hàng, rồi Trưởng phòng Vật tư
05/2011 - 09/2012	Công ty Dệt Hà Nam Trưởng phòng Xuất nhập khẩu
10/2012 - 05/2014	Công ty Cổ phần Dệt may Hoàng Thị Loan Chuyên viên, rồi Phó phòng Điều hành Sản xuất kiêm Trợ lý TGD
05/2014 - 09/2015	Công ty Cổ phần Dệt may Hoàng Thị Loan Giám đốc Nhà máy Sợi
10/2015 - 12/2015	Công ty Cổ phần Dệt may Hoàng Thị Loan Trưởng phòng Kinh doanh, XNK
01/2016 - 06/2016	Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội Phó phòng Thị trường (thị trường nước ngoài) kiêm Trợ lý TGD
06/2016 - 12/2017	Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-NGK Sài Gòn Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị
01/2018 - 12/2018	Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-NGK Sài Gòn Phó Ban Kế hoạch
01/2019 - nay	Tổng Công ty Cổ phần Bia-Rượu-NGK Sài Gòn Phó Giám đốc Kế hoạch
03/2019 - 09/2020	Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam Thành viên Hội đồng thành viên
10/2020 - 09/2023	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành (Đại diện vốn của SABECO) Chủ tịch Hội đồng thành viên
04/2024 - nay	Công Ty CP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô Chủ tịch Hội đồng quản trị
09/2024 - 04/2025	CTCP Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân Chủ tịch Hội đồng quản trị
04/2024 - nay	CTCP Bia Sài Gòn - Vĩnh Long Thành viên HĐQT

02BÀ TRẦN LÊ HOA
Thành viên HĐQT không điều hành

Năm sinh	1975
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư hoá thực phẩm, Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ QTKD (MBA)
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT không điều hành
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	- Giám đốc Kiểm soát Chất lượng Tổng Công ty cổ phần Bia – Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh - Chủ tịch HĐTV - Công ty TNHH MTV Cơ Khí Sabeco - Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân

Quá trình công tác		
06/1988 - 08/1988	Công ty Bia Sài Gòn	Kho thành phẩm
08/1998 - 10/2001	Công ty Bia Sài Gòn	Xưởng chiết Bia
11/2001 - 09/2005	Công ty Bia Sài Gòn	Phòng Kỹ thuật
10/2005 - 04/2016	Tổng CTCP Bia – Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	Ban Kỹ thuật
04/2016 - nay	Tổng CTCP Bia – Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	Ban Kiểm soát chất lượng
05/2018 - 04/2022	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Thành viên Hội đồng quản trị
04/2022 - 04/2024	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Chủ tịch Hội đồng quản trị
04/2024 - nay	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Thành viên HĐQT
09/2024 - nay	CTCP Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	Thành viên HĐQT
01/2025 - nay	Công ty TNHH MTV Cơ Khí Sa be co	Chủ tịch HĐTV
04/2025 - nay	CTCP Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	Chủ tịch HĐQT



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

03 ÔNG VẤN THANH LIÊM

Thành viên HĐQT không điều hành

Năm sinh	1950
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT không điều hành
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	- Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Bao bì Sài Gòn - Thành viên HĐQT CTCP Bía Sài Gòn - Sông Lam - Chủ tịch HĐQT CTCP Vận tải và giao nhận Bía Sài Gòn. - Chủ tịch HĐQT CTCP Bía Sài Gòn - Long Khánh
Quá trình công tác	
03/2003 - 05/2008	Tổng CTCP Bía - Rượu - NGK Sài Gòn Phó tổng giám đốc
06/2008 - 2012	Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Bía Rượu NGK Sài Gòn Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
06/2007 - 03/2018	CTCP Bía Sài Gòn - Phú Lý Chủ tịch HĐQT
06/2012 - 03/2018	CTCP Bía Sài Gòn - Ninh Thuận Chủ tịch HĐQT
11/2005 - 02/2025	CTCP Tập đoàn Bía Sài Gòn Bình Tây Chủ tịch HĐQT
01/2007 - nay	CTCP Bao bì Sabeco Sông Lam, nay đổi tên thành CTCP Tập đoàn Bao bì Sài Gòn Chủ tịch HĐQT
12/2006 - nay	CTCP Bía Sài Gòn - Sông Lam Thành viên HĐQT
05/2015 - nay	CTCP Vận tải và giao nhận Bía Sài Gòn Chủ tịch HĐQT
03/2018 - 2025	Công ty TNHH MTV Bía Sài Gòn - Phú Lý Chủ tịch HĐQT
03/2018 - nay	CTCP Bía Sài Gòn - Long Khánh Chủ tịch HĐQT
04/2017 - nay	CTCP Bía -Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô Thành viên HĐQT

04 BÀ NGUYỄN THỊ KIM CÚC

Thành viên HĐQT không điều hành

Năm sinh	1975
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT không điều hành
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	- Giám đốc mua hàng Tổng CTCP Bía - Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn; - Thành viên HĐQT CTCP Bía Sài Gòn - Miền Tây; - Thành viên HĐQT - CTCP TM Bía Sài Gòn - Miền Trung; - Thành viên HĐQT Công ty TNHH Bao bì Sanmiguel Yamamura Phú Thọ; - Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Bía Sài Gòn Sóc Trăng;
Quá trình công tác	
1997 - 2000	Công ty TNHH Tân Đại Hải Chuyên viên kiểm soát
2000 - 2008	Tổng CTCP Bía - Rượu - NGK Sài Gòn Chuyên viên mua hàng
2008 - 2010	Tổng CTCP Bía - Rượu - NGK Sài Gòn Phụ trách bộ phận quản lý mua hàng trong nước
2010 - 2017	Tổng CTCP Bía - Rượu - NGK Sài Gòn Phó Trưởng Ban mua hàng
2017 - 2019	Tổng CTCP Bía - Rượu - NGK Sài Gòn Trưởng Ban mua hàng
2017 - Nay:	Công ty TNHH Bao bì Sanmiguel Yamamura Phú Thọ Thành viên HĐQT (Người đại diện vốn)
2019 - Nay	CTCP Bía Sài Gòn - Miền Tây Thành viên HĐQT
	CTCP Bía - NGK Sài Gòn - Tây Đô Thành viên HĐQT
	Công ty TNHH MTV Bía Sài Gòn - Sóc Trăng Thành viên HĐQT
	CTCP TM Bía Sài Gòn - Miền Trung Thành viên HĐQT
	Tổng CTCP Bía - Rượu - NGK Sài Gòn Giám đốc mua hàng

05 ÔNG LÊ HOÀNG THỊNH

Thành viên HĐQT không điều hành

Năm sinh	1990
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ tài chính kế toán
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT không điều hành
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	- Giám đốc – Công ty TNHH MTV Dịch vụ KCN IDICO - Giám đốc CTCP Dr Biomass - Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán - CTCP Đầu tư và Phát triển nhà và đô thị IDICO

Quá trình công tác	
2011 - 2012	Công ty Ernst & Young Việt Nam Chuyên viên dịch vụ tư vấn
2012 - 2014	Công ty Crown Holdings (Singapore) Chuyên viên đầu tư
2015 - 2018	Công ty TNHH MTV Thương mại Bía Sài Gòn Phó phòng thị trường - xuất nhập khẩu
2017 - 2025	CTCP Đầu tư Vanda Giám đốc điều hành
2017 - nay	CTCP Dr Biomass Giám đốc
2019 - 2025	CTCP Saigon Futures Chủ tịch HĐQT
2021 - 2025	CTCP Vanda Esports Giám đốc
2021 - 2025	CTCP Fafilm Thành phố Hồ Chí Minh Chủ tịch HĐQT
2022 - nay	CTCP Bía -Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô Thành viên HĐQT
2023 - nay	CTCP Đầu tư và Phát triển nhà và đô thị IDICO Thành viên HĐQT, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán
2025 - nay	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO Giám đốc



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đã thực hiện việc giám sát công tác điều hành thông qua: Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Người điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT năm 2025. Ban Tổng Giám đốc đã bám sát và thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty bảo đảm duy trì hệ thống kiểm soát một cách chặt chẽ và phù hợp.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Phan Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	04/04	100%
2	Trần Lê Hoa	Thành viên HĐQT không điều hành	04/04	100%
3	Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên HĐQT không điều hành	04/04	100%
4	Văn Thanh Liêm	Thành viên HĐQT không điều hành	04/04	100%
5	Lê Hoàng Thịnh	Thành viên HĐQT không điều hành	03/04	75%

HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp, ngoài ra Công ty có 04 lần lấy ý kiến bằng văn bản. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2025/NQ-HĐQT	14/2/2025	Chi quỹ lương còn lại năm 2024; Ban hành Quy chế QLĐT; Cài tạo chương trình điều khiển các xưởng sản xuất; Đầu tư thiết bị xưởng Nấu.	100%
2	02/2025/NQ-HĐQT	4/3/2025	Thông qua ngày đăng ký danh sách Cổ đông và ngày tổ chức ĐHĐCĐ.	100%
3	03/2025/NQ-HĐQT	4/3/2025	Miễn nhiệm và bổ nhiệm Người phụ trách quản trị.	100%
4	04/2025/NQ-HĐQT	4/3/2025	Báo cáo KQSXKD 2024; Kế hoạch đầu tư, sửa chữa năm 2025; Thanh lý vỏ chai 355ml không còn sử dụng.	100%
5	05/2025/NQ-HĐQT	4/3/2025	Pháp lý giao dịch, thủ tục liên quan Ngân hàng.	100%
6	06/2025/NQ-HĐQT	4/3/2025	Vay Agribank 50 tỷ đồng.	100%
7	07/2025/NQ-HĐQT	4/3/2025	Vay Shinhan Việt Nam 80 tỷ đồng.	100%
8	08/2025/NQ-HĐQT	4/3/2025	Vay Vietinbank 100 tỷ đồng.	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
9	09/2025/NQ-HĐQT	15/4/2025	Điều chỉnh tài liệu ĐHĐCĐ năm 2025.	100%
10	10/2025/NQ-HĐQT	19/5/2025	Miễn nhiệm Tổng Giám đốc.	100%
11	11/2025/NQ-HĐQT	19/5/2025	Miễn nhiệm P.TGĐ, bổ nhiệm TGĐ.	100%
12	12/2025/NQ-HĐQT	19/5/2025	Thay đổi Người đại diện pháp luật.	100%
13	13/2025/NQ-HĐQT	22/5/2025	Lựa chọn nhà thầu ký kết hợp đồng thay tôn nhà xưởng chính.	100%
14	14/2025/NQ-HĐQT	22/5/2025	Lựa chọn nhà thầu ký kết hợp đồng thanh lý tôn cũ.	100%
15	15/2025/NQ-HĐQT	30/6/2025	Thông qua Báo cáo Quý 1 và ước Quý 2, 6 tháng cuối năm 2025; Triển khai sản xuất và hợp tác kinh doanh phân phối Bia tươi.	80%
16	16/2025/NQ-HĐQT	23/9/2025	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 2/2025, ước thực hiện Quý 3 & Quý 4/2025	100%
17	17/2025/NQ-HĐQT	23/9/2025	Thông qua sơ đồ tổ chức TDBECO	80%
18	18/2025/NQ-HĐQT	23/9/2025	Thông qua hệ thống cấp bậc và cơ cấu lương the sơ đồ tổ chức mới của TDBECO	80%
19	19/2025/NQ-HĐQT	23/9/2025	Thông qua phương án chi lương năm 2025	60%
20	20/2025/NQ-HĐQT	23/9/2025	Không thông qua mức lương mới đối với Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	40%
21	21/2025/NQ-HĐQT	28/11/2025	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 3/2025, ước thực hiện Quý 4/2025	100%
22	22/2025/NQ-HĐQT	08/12/2025	Thông qua vay vốn ngắn hạn tại ngân hàng Vietcombank – CN Tây Cần Thơ	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Không có

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tính đến ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Thị Loan Anh	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
2	Nguyễn Đồng Diễm Trâm	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
3	Phạm Văn Tiến	Thành viên Ban kiểm soát	39.852	0,2%

01

BÀ TRẦN THỊ LOAN ANH

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh	1981	
Quốc tịch	Việt Nam	
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán	
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Trưởng Ban kiểm soát	
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Trưởng Ban kiểm soát CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây	
Quá trình công tác		
04/2003 - 2008	Công ty may Tây Đô	Kế toán Tổng hợp
2009 - 05/2010	Công ty TNHH Thủy Sản Panga Mekong	Kế toán Tổng hợp
06/2010 - nay	CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây	Kế toán Tổng hợp, Phó phòng kế toán - Phụ trách phòng kế toán, Trưởng ban kiểm soát
03/2016 - 04/2022	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Thành viên ban kiểm soát
04/2022 - nay	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Trưởng ban kiểm soát

02

BÀ NGUYỄN ĐỒNG DIỄM TRÂM

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	1990	
Quốc tịch	Việt Nam	
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh tế	
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát	
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Chuyên viên tài chính cấp cao - Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	
Quá trình công tác		
10/2012 - 04/2015	Abbott Việt Nam	Chuyên viên kế toán
05/2015 - 02/2017	Tổng công ty THACO -Trưởng Hải	Chuyên viên phân tích và lập kế hoạch
02/2017 - 10/2020	DKSH Việt Nam	Kiểm soát tài chính
Từ 10/2020 - nay	Tổng CTCP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	Chuyên viên tài chính cấp cao (Phụ trách khối nhà máy)
04/2021 - nay	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Thành viên Ban kiểm soát

03

ÔNG PHẠM VĂN TIẾN

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	1978	
Quốc tịch	Việt Nam	
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế, cử nhân Anh văn	
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát	
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có	
Quá trình công tác		
08/2000 - 08/2001	Công ty TNHH Nippon Paint Việt Nam	Nhân viên kinh doanh
08/2001 - 08/2006	Công ty TNHH Nippon Paint Việt Nam	Phụ trách kinh doanh
08/2006 - 12/2006	Công ty Euro Window	Trưởng Showroom
05/2007 - nay	CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	Thành viên Ban kiểm soát

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Trần Thị Loan Anh	Trưởng Ban kiểm soát	03	100%
2	Nguyễn Đồng Diễm Trâm	Thành viên Ban kiểm soát	03	100%
3	Phạm Văn Tiến	Thành viên Ban kiểm soát	03	100%

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ hằng năm, BKS thực hiện giám sát toàn diện các mặt hoạt động của Công ty:

Tình hình tài chính trung thực, hợp lý;

Công tác kế toán, thống kê, ghi chép theo chuẩn mực và Luật kế toán hiện hành;

Các hoạt động sản xuất kinh doanh;

Sự tuân thủ các quy chế quy định nội bộ,

Sự chấp hành các quy định của pháp luật liên quan đến các hoạt động của Công ty;

Kiến nghị các nội dung theo thẩm quyền

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Được cung cấp thông tin đầy đủ về từng nội dung thời gian theo yêu cầu.

Được phản hồi những nội dung làm việc, ý kiến đóng góp cho tất cả các hoạt động của Công ty đúng định hướng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Được tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến theo chức năng và nhiệm vụ.

HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BKS/ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Không có

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Tính đến ngày 31/12/2025

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Lương	Thưởng	Tổng cộng
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
1	Phan Thanh Hải	Chủ tịch	216.000.000	-	-	216.000.000
2	Trần Lê Hoa	Thành viên	144.000.000	-	-	144.000.000
3	Văn Thanh Liêm	Thành viên	144.000.000	-	-	144.000.000
4	Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên	144.000.000	-	-	144.000.000
5	Lê Hoàng Thịnh	Thành viên	144.000.000	-	-	144.000.000
BAN KIỂM SOÁT						
1	Trần Thị Loan Anh	Trưởng ban	108.000.000	-	-	108.000.000
2	Nguyễn Đồng Diễm Trâm	Thành viên	72.000.000	-	-	72.000.000
3	Phạm Văn Tiến	Thành viên	72.000.000	-	-	72.000.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có



06



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 76 Ý kiến kiểm toán
- 77 Báo cáo tài chính được kiểm toán



**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát
Sài Gòn - Tây Đô**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thông tin về Công ty**

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số	1800641942	ngày 21 tháng 9 năm 2006
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800641942 ngày 6 tháng 11 năm 2025. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.		
Hội đồng Quản trị	Ông Phan Thanh Hải Bà Trần Lê Hoa Ông Văn Thanh Liêm Bà Nguyễn Thị Kim Cúc Ông Lê Hoàng Thịnh	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Kiểm soát	Bà Trần Thị Loan Anh Bà Nguyễn Đồng Diễm Trâm Ông Phạm Văn Tiến	Trưởng ban Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Trần Văn Sang Ông Nguyễn Đăng Huy	Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 6 năm 2025) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 6 năm 2025) Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 6 năm 2025)
Trụ sở đăng ký	Khu Công nghiệp Trà Nóc 1 Phường Thới An Đông Thành phố Cần Thơ Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Trần Văn Sang
Tổng Giám đốc

Thành phố Cần Thơ, ngày 19 tháng 3 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 19 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG, một chi nhánh của Công ty TNHH KPMG, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam và là công ty thành viên trong tổ chức toàn cầu của các công ty KPMG độc lập, liên kết với KPMG International Limited, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo bảo lãnh được thành lập tại Vương Quốc Anh. Tất cả các quyền được bảo hộ.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00546-26-1



Nguyễn Thùy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Anh Tuấn
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2023-007-1

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		314.146.740.475	340.236.521.133
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	813.499.026	32.656.274.392
Tiền	111		163.499.026	256.274.392
Các khoản tương đương tiền	112		650.000.000	32.400.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		250.860.000.000	243.870.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	250.860.000.000	243.870.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.969.459.020	31.577.077.543
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	19.670.457.066	26.176.097.618
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		464.560.926	210.600.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.834.441.028	5.190.379.925
Hàng tồn kho	140	9	36.000.539.543	31.951.860.217
Tài sản ngắn hạn khác	150		503.242.886	181.308.981
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		503.242.886	181.308.981
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		81.343.218.603	98.170.804.275
Tài sản cố định	220		77.737.109.676	86.116.973.727
Tài sản cố định hữu hình	221	10	77.737.109.676	86.116.973.727
Nguyên giá	222		536.459.347.794	526.842.533.830
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(458.722.238.118)	(440.725.560.103)
Tài sản dở dang dài hạn	240		321.300.000	-
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	321.300.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	10.200.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(b)	5.000.000.000	5.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(b)	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	10.200.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		3.284.808.927	1.853.830.548
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	3.249.478.927	1.818.500.548
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		35.330.000	35.330.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		395.489.959.078	438.407.325.408

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		118.871.241.134	164.436.590.225
Nợ ngắn hạn	310		118.871.241.134	164.436.590.225
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	1.847.055.426	8.831.526.977
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	42.993.897
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	31.457.926.230	41.833.457.027
Phải trả người lao động	314		2.563.102.668	3.971.350.942
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		94.246.000	781.044.078
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	2.843.775.843	2.860.708.459
Vay ngắn hạn	320	16	79.470.964.456	105.650.336.419
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	594.170.511	465.172.426
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		276.618.717.944	273.970.735.183
Vốn chủ sở hữu	410	18	276.618.717.944	273.970.735.183
Vốn cổ phần	411	19	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		21.938.000.000	21.938.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	41.451.256.847	41.451.256.847
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.229.461.097	10.581.478.336
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		10.781.478.336	6.660.568.528
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		2.447.982.761	3.920.909.808
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		395.489.959.078	438.407.325.408

Ngày 19 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:

Trần Thanh Phương
Kế toán tổng hợp

Phan Duy Linh
Kế toán trưởng

Trần Văn Sang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	257.257.490.408	326.534.272.578
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	95.407.631	193.118.271
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10	22	257.162.082.777	326.341.154.307
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	242.277.063.746	303.384.213.247
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		14.885.019.031	22.956.941.060
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	14.448.381.292	11.568.113.577
Chi phí tài chính	22	25	2.714.740.360	2.460.293.462
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.640.225.264	2.437.614.911
Chi phí bán hàng	25		1.719.628.994	2.377.380.414
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	13.385.896.027	15.823.055.143
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		11.513.134.942	13.864.325.618
Thu nhập khác	31		157.784.510	174.626.261
Chi phí khác	32	27	6.160.640.550	6.196.189.801
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(6.002.856.040)	(6.021.563.540)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.510.278.902	7.842.762.078
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	2.790.298.056	3.263.973.402
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.719.980.846	4.578.788.676
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	122	206

Ngày 19 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:

Trần Thanh Phương
Kế toán tổng hợp

Phan Duy Linh
Kế toán trưởng

Trần Văn Sang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	5.510.278.902	7.842.762.078
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	17.996.678.015	19.388.384.052
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(14.448.381.292)	(11.503.438.990)
Chi phí lãi vay	06	2.640.225.264	2.437.614.911
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	11.698.800.889	18.165.322.051
Biến động các khoản phải thu	09	6.937.730.271	(6.665.374.700)
Biến động hàng tồn kho	10	(4.048.679.326)	(2.744.706.112)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(19.570.166.900)	16.791.274.601
Biến động chi phí trả trước	12	(1.752.912.284)	(240.397.971)
		(6.735.227.350)	25.306.117.869
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.640.225.264)	(2.437.614.911)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.535.106.369)	(2.978.753.334)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(143.000.000)	(1.425.952.962)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(12.053.558.983)	18.463.796.662
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(9.938.113.964)	(1.298.260.877)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(357.910.000.000)	(365.170.000.000)
Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24	361.120.000.000	349.340.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	13.118.269.544	11.254.330.872
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.390.155.580	(5.873.930.005)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33	281.735.745.620	300.349.947.420
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(307.915.117.583)	(272.901.675.835)
Tiền chi trả cổ tức	36	-	(10.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(26.179.371.963)	17.448.271.585
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(31.842.775.366)	30.038.138.242
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	32.656.274.392	2.618.136.150
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)	70	813.499.026	32.656.274.392

Ngày 19 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Người kiểm tra:

1942
Người duyệt:

Trần Thanh Phương
Kế toán tổng hợp

Phan Duy Linh
Kế toán trưởng

Trần Văn Sang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đã được giao dịch chính thức trên thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Thông báo số 1506/QĐ-SGDHN ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, với mã giao dịch là STD.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia và mạch nha ủ men bia, rượu, đồ uống không cồn, nước khoáng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 107 nhân viên (1/1/2025: 113 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 15 năm
▪ máy móc và thiết bị	7 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 12 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm



Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm vỏ bình nước uống đóng chai sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.



Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty áp dụng Thông tư 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 180”), quy định Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho các nhân viên đủ điều kiện. Quy định của Thông tư 180 có sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng* (“VAS 18”). Chuẩn mực này yêu cầu khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi và cung cấp dịch vụ du lịch lữ hành nội địa. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	72.770.037	87.553.446
Tiền gửi ngân hàng	90.728.989	168.720.946
Các khoản tương đương tiền (*)	650.000.000	32.400.000.000
	813.499.026	32.656.274.392

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ đáo hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất 4,75% một năm (1/1/2025: 4,75% một năm).

6. Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và trong vòng 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,1% đến 7,9% một năm (1/1/2025: từ 4,2% đến 6,0% một năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị ghi sổ là 35.710 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (1/1/2025: 52.850 triệu VND) (Thuyết minh 16).

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2025 và 1/1/2025		
			Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	500.000	4,3%	5.000.000.000	(*)	(5.000.000.000)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong năm của dự phòng các khoản đầu tư góp vốn như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm và cuối năm	5.000.000.000	5.000.000.000

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Các bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	17.632.536.707	25.593.577.798
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Bia Sài Gòn	829.724.600	53.538.220
Bên thứ ba		
Khách hàng khác	1.208.195.759	528.981.600
	19.670.457.066	26.176.097.618

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có phải hoàn trả khi được yêu cầu.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải thu lãi tiền gửi	5.821.941.028	4.491.829.280
Phải thu khác	12.500.000	698.550.645
	5.834.441.028	5.190.379.925

9. Hàng tồn kho

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	13.411.851.097	-	14.171.236.261	-
Công cụ và dụng cụ	2.484.087.049	-	3.368.338.249	-
Chi phí sản xuất				
kinh doanh dở dang	6.050.892.468	-	12.613.399.697	-
Thành phẩm	14.053.708.929	-	1.798.886.010	-
	36.000.539.543	-	31.951.860.217	-

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	62.520.130.711	456.179.352.854	7.878.596.832	264.453.433	526.842.533.830
Tăng trong năm	-	5.566.813.964	-	-	5.566.813.964
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.050.000.000	-	-	-	4.050.000.000
Số dư cuối năm	66.570.130.711	461.746.166.818	7.878.596.832	264.453.433	536.459.347.794
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	54.452.288.057	378.500.819.131	7.507.999.482	264.453.433	440.725.560.103
Khấu hao trong năm	1.597.903.980	16.128.348.660	270.425.375	-	17.996.678.015
Số dư cuối năm	56.050.192.037	394.629.167.791	7.778.424.857	264.453.433	458.722.238.118
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	8.067.842.654	77.678.533.723	370.597.350	-	86.116.973.727
Số dư cuối năm	10.519.938.674	67.116.999.027	100.171.975	-	77.737.109.676

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 285.162 triệu VND (1/1/2025: 267.270 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
 Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	-	64.674.587
Tăng trong năm	4.371.300.000	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.050.000.000)	-
Xóa sổ	-	(64.674.587)
Số dư cuối năm	321.300.000	-

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Máy móc và thiết bị	254.880.000	-
Xây dựng đường dốc và hồ ga tại khu vực cổng chính	66.420.000	-
	321.300.000	-

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	553.022.747	1.265.477.801	1.818.500.548
Tăng trong năm	477.756.509	2.957.322.550	3.435.079.059
Phân bổ trong năm	(408.807.717)	(1.595.292.963)	(2.004.100.680)
Số dư cuối năm	621.971.539	2.627.507.388	3.249.478.927

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
 Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ 31/12/2025 VND		1/1/2025 VND
Bên liên quan			
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Bia Sài Gòn	33.525.349		17.230.826
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	-		7.857.027.068
Các bên thứ ba			
Công ty TNHH Chế Biến Lương Thực Trường Thắng	589.260.000		-
Công ty Cổ Phần Năng Lượng Điện - Hơi Công Nghiệp Việt Nam	292.474.125		-
Công ty TNHH Vận tải Phước Khang	69.768.000		187.280.000
Các nhà cung cấp khác	862.027.952		769.989.083
	1.847.055.426		8.831.526.977

Khoản phải trả thương mại cho bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
 Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cần trừ trong năm VND	31/12/2025 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	35.896.608.750	241.814.012.143	(251.480.035.515)	-	26.230.585.378
Thuế giá trị gia tăng	4.324.636.221	49.475.633.388	(30.255.710.105)	(20.175.583.543)	3.368.975.961
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.574.745.142	2.790.298.056	(2.535.106.369)	-	1.829.936.829
Thuế thu nhập cá nhân	37.466.914	363.097.427	(372.136.279)	-	28.428.062
Thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
	41.833.457.027	294.446.041.014	(284.645.988.268)	(20.175.583.543)	31.457.926.230

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.592.890.000	2.401.780.000
Phải trả khác	250.885.843	458.928.459
	2.843.775.843	2.860.708.459

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
 Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay ngắn hạn

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2025 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	105.650.336.419	281.735.745.620	(307.915.117.583)	79.470.964.456

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	VND	4,5% - 5,8%	79.470.964.456	72.321.590.284
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	3,5%	-	33.328.746.135
			79.470.964.456	105.650.336.419

- (i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 120.000 triệu VND và được bảo đảm bằng khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 35.710 triệu VND (Thuyết minh 6(a)) (1/1/2025: 52.850 triệu VND).

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	465.172.426	1.433.246.520
Trích lập trong năm (Thuyết minh 18)	271.998.085	457.878.868
Sử dụng trong năm	(143.000.000)	(1.425.952.962)
Số dư cuối năm	594.170.511	465.172.426

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	200.000.000.000	21.938.000.000	41.451.256.847	6.660.568.528	270.049.825.375
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	4.578.788.676	4.578.788.676
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(457.878.868)	(457.878.868)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	200.000.000.000	21.938.000.000	41.451.256.847	10.581.478.336	273.970.735.183
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.719.980.846	2.719.980.846
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(271.998.085)	(271.998.085)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	-	200.000.000	200.000.000
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	200.000.000.000	21.938.000.000	41.451.256.847	13.229.461.097	276.618.717.944



Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2025 và 1/1/2025 Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

20. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	1.350.735.430	1.296.652.792
Từ hai đến năm	5.402.941.718	5.186.611.168
Sau năm năm	8.104.412.578	12.318.201.524
	14.858.089.726	18.801.465.484



Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong Bảng cân đối kế toán:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	10.416.357.645	-
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	3.071.060.555	7.187.000.000
	13.487.418.200	7.187.000.000

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu	250.715.207.601	320.125.546.426
▪ Bán thành phẩm	492.529.219.744	626.202.417.064
Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt	241.814.012.143	306.076.870.638
Thuế tiêu thụ đặc biệt	576.106.867	1.117.603.489
▪ Cung cấp dịch vụ	5.966.175.940	5.291.122.663
▪ Doanh thu khác	257.257.490.408	326.534.272.578

23. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2025 VND	2024 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	242.108.427.337	303.043.445.684
▪ Thành phẩm đã bán	168.636.409	340.767.563
▪ Giá vốn khác	242.277.063.746	303.384.213.247

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Lãi tiền gửi	14.448.381.292	11.568.113.577

25. Chi phí tài chính

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	2.640.225.264	2.437.614.911
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	74.515.096	22.678.551
	2.714.740.360	2.460.293.462

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	5.364.611.337	6.610.979.777
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.023.006.235	4.591.098.369
Chi phí khấu hao	74.118.240	202.828.756
Chi phí quản lý khác	4.924.160.215	4.418.148.241
	13.385.896.027	15.823.055.143

27. Chi phí khác

	2025 VND	2024 VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm ngừng sử dụng	6.027.086.224	6.033.752.916
Chi phí khác	133.554.326	162.436.885
	6.160.640.550	6.196.189.801

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	209.112.146.137	256.136.376.594
Chi phí nhân công và nhân viên	23.690.002.256	26.403.266.381
Chi phí khấu hao	17.996.678.015	19.388.384.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.125.864.839	15.434.699.863
Chi phí khác	7.313.278.180	6.027.561.623

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Năm hiện hành	2.790.298.056	3.263.973.402

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.510.278.902	7.842.762.078
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.102.055.780	1.568.552.416
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.688.242.276	1.695.420.986
	2.790.298.056	3.263.973.402

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	2.719.980.846	4.578.788.676
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(271.998.085)	(457.878.868)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	2.447.982.761	4.120.909.808

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 20.000.000 cổ phiếu.

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	486.395.202.400	620.995.469.030
Cung cấp dịch vụ	45.393.760	-
Mua nguyên vật liệu	192.278.606.439	242.268.985.107
Mua dịch vụ	72.990.620	-
Bán nguyên vật liệu	-	77.685.348
Cổ tức đã trả	-	1.440.750.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây		
Mua nguyên vật liệu	21.296.296	-
Mua dịch vụ	60.760.800	-
Cổ tức đã trả	-	945.903.500
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Cổ tức đã trả	-	552.500.000

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
 Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua nguyên vật liệu	-	135.400.000
Mua dịch vụ tư vấn	-	225.000.000
Mua dịch vụ	-	130.000.000
Mua công cụ và dụng cụ	3.429.377.500	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Mua hàng hóa	164.595.820	206.055.570
Cổ tức đã trả	-	276.250.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền		
Cổ tức đã trả	-	276.250.000
Công ty Cổ phần Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Bán dịch vụ thuê kho bãi	1.497.838.388	949.715.625
Mua dịch vụ	154.309.587	51.449.469
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Sóc Trăng		
Bán nguyên vật liệu	3.866.667	-
Thành viên Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Phan Thanh Hải – Chủ tịch	216.000.000	150.000.000
Bà Trần Lê Hoa – Thành viên	144.000.000	166.000.000
Ông Văn Thanh Liêm - Thành viên	144.000.000	144.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc - Thành viên	144.000.000	144.000.000
Ông Lê Hoàng Thịnh - Thành viên	144.000.000	144.000.000
Ông Nguyễn Huy Thắng - Thành viên	-	44.000.000
Thành viên Ban kiểm soát		
<i>Thù lao và thu nhập</i>		
Bà Trần Thị Loan Anh - Trưởng ban	108.000.000	108.000.000
Bà Nguyễn Đông Diễm Trâm - Thành viên	72.000.000	72.000.000
Ông Phạm Văn Tiến - Thành viên	72.000.000	72.000.000
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	902.881.168	1.836.182.784

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
 Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	2025 VND	2024 VND
32. Phí dịch vụ đã trả và phải trả cho kiểm toán viên		
Phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính	89.000.000	85.000.000
Phí dịch vụ khác (soát xét thông tin tài chính)	63.000.000	60.000.000
	152.000.000	145.000.000

33. Thông tin so sánh
 Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

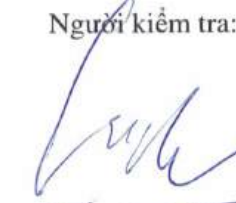
Ngày 19 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Trần Thanh Phương
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Phan Duy Linh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Văn Sang
Tổng Giám đốc





BIA SAIGON LAGER

**PHIÊN BẢN
GIỚI HẠN**

**BIA
SAIGON[®]
TÂY ĐÔ**

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN - TÂY ĐÔ

Địa chỉ: Lô 22, Khu công nghiệp Trà Nóc 1, Phường Thới An Đông,
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Điện thoại: 02923 842 538

Website: <https://biasaigontaydo.com.vn/>

Email: info@sgtd.com.vn

**BIA
SAIGON[®]
TÂY ĐÔ**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN - TÂY ĐÔ

Cần Thơ, ngày 17 tháng 04 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

**CÔNG TY CỔ
PHẦN BIA-NƯỚC
GIẢI KHÁT SÀI
GÒN-TÂY ĐÔ**

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN VĂN SANG

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN BIA-NƯỚC GIẢI
KHÁT SÀI GÒN-TÂY ĐÔ

Date: 2026.04.17

21:46:01

+07'00'